

Bản án số: 48a/2022/HS-ST
Ngày: 09-9-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Thắng;
2. Ông Văn Minh Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Thuận - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, xét xử công khai Vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 38/2022/TLST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-HS ngày 25/8/2022 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Thị G, sinh ngày 17 tháng 10 năm 1982, tại thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang. Nơi thường trú: Tổ 3, phường N, TP H, tỉnh Hà Giang; CCCD: 002182001705; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T (đã chết) con bà Đào Thị X, sinh năm 1946; có chồng Đỗ Tiến Q, sinh năm 1975 và 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự, nhân thân: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/01/2022 đến ngày 10/3/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

2. Đào Thị H, sinh ngày 14 tháng 7 năm 1974, tại huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Nơi thường trú: Tổ 8, phường Q, TP. H, tỉnh Hà Giang; 008174001903; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Như H (đã chết) con bà Tạ Thị N (đã chết); có chồng Nguyễn Duy M, sinh năm 1962 và 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự, nhân thân: không;

Bị cáo bị bắt từ ngày 13/01/2022 đến ngày 22/01/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Phạm Thái Q, sinh ngày 18 tháng 5 năm 1985, tại thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang. Nơi thường trú: Thôn C, xã P, TP H, tỉnh Hà Giang. Nơi tạm trú: Tổ 15, phường M, TP H, tỉnh Hà Giang; CCCD: 002085007727; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn D, sinh năm 1958 con bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1958; có vợ Mừng Huyền M, sinh năm 1991 và 03 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự, nhân thân: không;

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Vũ Xuân T, sinh ngày 02 tháng 7 năm 1984 tại thành phố H, tỉnh Hà Giang. Nơi thường trú: Tổ 15, phường M, TP H, tỉnh Hà Giang. Nơi tạm trú: Tổ 13, phường M, TP H, tỉnh Hà Giang; CCCD: 002084008834; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T, sinh năm 1954 con bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1956; có vợ Hoàng Thị M, sinh năm 1984 và 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2020, có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Công an thành phố Hà Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng (ngày 14/5/2020 bị cáo đã chấp hành xong);

Bị cáo bị bắt từ ngày 13/01/2022 đến ngày đến ngày 10/3/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

5. Hoàng Thị V, sinh ngày 07 tháng 01 năm 1981, tại huyện Q, tỉnh Hà Giang. Nơi thường trú: Tổ 6, phường Q, TP. H, tỉnh Hà Giang; CCCD: 002181001443; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn N (đã chết) con bà Hoàng Thị N, sinh năm 1938; có chồng Nguyễn Thái S, sinh năm 1981 và 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 17/10/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt 10.000.000 đồng theo Bản án số 68/2014/HSST về tội Đánh bạc (đã chấp hành xong); Ngày 19/7/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt 2.000.000 đồng về tội Tham ô tài sản, theo Bản án số 40/2014/HSST (bị cáo đã chấp hành xong).

Bị cáo bị bắt từ ngày 13/01/2022 đến ngày đến ngày 10/3/2022, được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

6. Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 12 tháng 5 năm 1976 tại huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi thường trú: Tổ 14, phường N, TP H, tỉnh Hà Giang; CCCD: 026076009580; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc H (đã chết) con bà Kiều Thị C (đã chết); có vợ Hoàng Thị D, sinh năm 1983 và 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2008, bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang xử phạt 9 tháng tù cho hưởng án treo về tội đánh bạc (đã được xóa án tích); năm 2020 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Công an thành phố Hà Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng (đã chấp hành xong ngày 14/5/2020);

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/01/2022 đến ngày 10/3/2022, được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

7. Đỗ Thị D, sinh ngày 08 tháng 4 năm 1984 tại huyện T, tỉnh Kiên Giang. Nơi thường trú: Tổ 7, phường Q, TP H, tỉnh Hà Giang; CCCD: 091184002499; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn K (đã chết) con bà Phạm Thị T, sinh năm 1948; có chồng Nguyễn Hữu K, sinh năm 1982 và 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự, nhân thân: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/01/2022 đến ngày 22/01/2022, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

8. Phạm Văn T, sinh ngày 02 tháng 02 năm 1982 tại huyện V, tỉnh Hưng Yên. Nơi thường trú: Xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Nơi tạm trú: Tổ 11, phường M, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang; CCCD: 033082005176; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn M, sinh năm 1957 con bà Phạm Thị H, sinh năm 1957; có vợ Nguyễn Thị H, sinh năm 1989 và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự, nhân thân: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/01/2022 đến ngày 22/01/2022, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

9. Phạm Văn D, sinh ngày 12 tháng 8 năm 1980, tại huyện V, tỉnh Nam Định. Nơi thường trú: Tổ 1, phường N, TP. Hà Giang, tỉnh Hà Giang; CCCD: 036080012440; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn V (đã chết) con bà Trần Thị D, sinh năm 1954; có vợ Lý Thị Thanh C, sinh năm 1980 và 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự, nhân thân: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 22/01/2022; có mặt.

10. Trần Đình L, sinh ngày 06 tháng 01 năm 1982 tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Nơi thường trú: Tổ 4, phường M, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang; CCCD: 002082000365; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; *Đảng đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 43/QĐ-UBND của Thành ủy Hà Giang ngày 22/8/2022;* con ông Trần Đình L, sinh năm 1957 con bà Lê Thị B, sinh năm 1958; có vợ Phí

Thị L, sinh năm 1989 và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự, nhân thân: không;

Bị cáo ra đầu thú và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 22/01/2022; có mặt.

11. Nguyễn Duy Q, sinh ngày 08 tháng 11 năm 1969, tại thành phố H, tỉnh Hà Giang. Nơi thường trú: Tổ 6, phường Q, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang; CCCD: 002069001019; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy T (đã chết) con bà Nguyễn Thị L (đã chết); có vợ Hoàng Thị T, sinh năm 1974 và 01 con sinh năm 2002; tiền án, tiền sự, nhân thân: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 23/6/2022; có mặt.

12. Mai Thị T, sinh ngày 08 tháng 10 năm 1970, tại huyện Y, tỉnh Hà Giang. Nơi thường trú: Tổ 8, phường Q, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang; CCCD, CMND: 073437829; nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn C (đã chết) con bà Ngô Thị Q, sinh năm 1950; có chồng Lù Trung T, sinh năm 1966 (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1995; tiền án, tiền sự, nhân thân: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 23/6/2022; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/01/2022, Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Hà Giang tiếp nhận tố giác tội phạm của quần chúng nhân dân trên địa bàn phường Quang Trung, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang, về việc một số đối tượng trên địa bàn thành phố H có hành vi mua, bán số lô, số đề. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang tiến hành thụ lý nguồn tin và kiểm tra, xác minh để giải quyết theo qui định của pháp luật.

Cùng với tài liệu kiểm tra, xác minh nguồn tin ban đầu, trong khoảng thời gian từ 18 giờ 40 phút đến 19 giờ 00 ngày 13/01/2022, bốn tổ công tác thuộc Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Hà Giang đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ một số đồ vật, tài liệu liên quan đối với Vũ Xuân T, Đào Thị H, Phạm Thái Q, Hoàng Thị V, Đỗ Tiến Q, trong khi các đối tượng đang sử dụng điện thoại di động để mua, bán số lô, số đề tại nơi ở.

Trên cơ sở kết quả điều tra xác định được như sau:

1. Xác định hành vi phạm tội của bị cáo Đỗ Thị G và bị cáo liên quan trực tiếp đến việc mua, bán số lô, số đề

Khoảng đầu tháng 01 năm 2021, Đỗ Thị G-, nảy sinh ý định lập bảng đề

mua và bán số lô, số đề của những người chơi để hưởng lợi nhuận thông qua kết quả xổ số miền bắc mở thưởng hàng ngày, Giang đã trực tiếp kết nối và trao đổi với Vũ Xuân T và Đào Thị H về việc mua và bán số lô, số đề và thống nhất phương thức thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc như sau:

Thứ nhất: Đối với tất cả các số lô, số đề đã mua trong ngày, được đổi chiếu với kết quả xổ số Miền Bắc mở thưởng trong ngày, số đề đã mua được tính trả thưởng khi trùng với 02 số cuối của giải đặc biệt; tính trả thưởng lô xiên 2, lô xiên 3, lô xiên 4, khi có 02 cặp số, hoặc 03 cặp số, hoặc 04 cặp số của 02 số cuối cùng của tất cả các giải thưởng; ba càng được tính trả thưởng khi có 03 số cuối trùng với 03 số cuối của giải đặc biệt về trong ngày, lô là 02 số cuối của tất cả các giải.

Thứ hai: Số đề được tính tỷ lệ cá cược là 1 x 70 lần; ba càng tỷ lệ cá cược 1 x 350 lần; lô điểm tỷ lệ cá cược 01 điểm x 80.000 đồng, lô xiên 2 tỷ lệ cá cược 1 x 10 lần; lô xiên 3 tỷ lệ trả thưởng 1 x 40 lần, lô xiên 4 tỷ lệ trả thưởng 1 x 100 lần.

Thứ ba: Người mua số lô, số đề của Giang sẽ gửi tin nhắn vào sim điện thoại 0385 448 045 sim lắp vào điện thoại Sam sung (BL 558 chủ thuê bao là Nguyễn Thị H, địa chỉ tại xã T, huyện V, Hà Giang), qui định giờ cuối cùng bán số lô là 18 giờ 12 phút, số đề là 18 giờ 25 phút. Sau khi có kết quả xổ số Miền Bắc trong ngày, G và những người mua sẽ tính tiền mua và tiền trả thưởng, khi số tiền thanh toán đạt mức khoảng 100.000.000 đồng, thì G sẽ là người trực tiếp bán hoặc trả thưởng cho người mua.

Bị cáo G và T cùng thỏa thuận thống nhất lập nhóm zalo tên “Cty 26” để bán và gửi các tin nhắn mua, bán số lô, số đề với nhau, tài khoản zalo của G được đăng ký số thuê bao 0385 448 xxx, T lưu tên là “Chị G 68xx”, tài khoản zalo của T được đăng ký số thuê bao 0862 110 xxx mang tên “M”(BL 538 xác định chủ thuê bao là Nguyễn Văn L, tổ 13, phường G, quận L, TP Hà Nội). T thống nhất bán cho G với giá số đề là 71%, số lô là 21.700 đồng/01 điểm và số lô xiên là 60%.

Bị cáo G và H thống nhất để H bán số lô, số đề cho người đánh bạc, sau đó H mua toàn bộ số lô, số đề khách đã mua cho G, G thanh toán với H giá số đề là 73%, số lô là 21.900 đồng/01 điểm, số lô xiên là 60% và không không chế giá mà H bán số lô và số đề cho người đánh bạc.

Sau khi nhận tin nhắn mua số lô, số đề của người chơi, vào hồi 17 giờ 44 phút ngày 13/01/2022, H sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 5, lắp sim số thuê bao 0344 325 xxx (BL 562 xác định sim của chủ thuê bao là Bé Văn T, địa chỉ thôn N, xã T, huyện V) nhắn 08 tin đến sim số thuê bao 0385 448 xxx của G với 1.200 điểm lô, được tính thành tiền là 26.280.000 đồng, 19.720.000 đồng tiền đề, 2.700.000 đồng tiền lô xiên. Tổng số tiền số lô, số đề, lô xiên Huệ mua của G là 48.700.000 đồng (BL 859-872). Căn cứ kết quả xổ số ngày 13/01/2022, H trúng thưởng 545 điểm lô, là 43.600.000 đồng và 70.000 đồng số đề, là 4.900.000 đồng. Tổng số tiền số lô và số đề H mua cho G đã trúng thưởng

là 48.500.000 đồng. Xác định tổng số tiền bị cáo G tổ chức đánh bạc là số tiền mà bị cáo H chuyển cho bị cáo G và số tiền trúng thưởng là 48.700.000 đồng + 48.500.000 đồng = 97.200.000 đồng. Xác định tổng số tiền chênh lệch mà G được hưởng từ việc mua và bán số lô, số đề sau khi đã chiết khấu hoa hồng là 396.000 đồng (BL 902-905).

Sau khi nhận số lô, số đề từ H. Vào hồi 18 giờ 03 phút G đã nhắn tin cho T vào nhóm zalo “Cty 26” để chuyển một phần số lô, số đề mà H đã mua của G cho T 05 tin nhắn với 300 điểm lô tính thành tiền là 6.510.000 đồng và 16.800.000 đồng tiền đề. Tổng số lô và số đề G chuyển cho T là 23.310.000 đồng. Căn cứ kết quả xổ số kiến thiết miền bắc đã công bố trong ngày, trong số tin nhắn mà G chuyển cho bị cáo T đã trúng thưởng 50.000 đồng tiền đề, được trả thưởng là 3.500.000 đồng.

Căn cứ vào thời điểm bắt người phạm tội quả tang đối với các bị cáo trong vụ án (BL 51,52,79,80, 109, 110,143,144) có đủ cơ sở để khẳng định, tại thời điểm hành vi đánh bạc và tổ chức đánh bạc bị ngăn chặn, đã có kết quả mở thưởng xổ số miền bắc (BL 609, 628), do vậy, số tiền mà G đánh bạc với T được tính là tổng số tiền mua số lô, số đề và tiền đã trúng thưởng là 23.310.000 đồng + 3.500.000 đồng = 26.810.000 đồng.

Lời khai của G được thể hiện tại các bút lục từ 848 đến bút lục 858, từ bút lục 878 -888 phù hợp các biên bản làm việc, bản ảnh chụp từ mục tin nhắn trong điện thoại của G đã bị thu giữ (BL 859-877, 899 - 904), phù hợp với các kiểm tra giải trình điện thoại BL 891-898, phù hợp với lời khai của các bị cáo có liên quan, phù hợp với các tài liệu điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

2. Xác định hành vi phạm tội của bị cáo Đào Thị H và các bị cáo liên quan trực tiếp đến việc mua, bán số lô, số đề

Như đã thống nhất với G về việc tổ chức mua, bán số lô, số đề, H đã chủ động kết nối với người chơi số lô, số đề và thống nhất giá mua, bán số đề là 80%, số lô là 23.000 đồng/01 điểm, cụ thể như sau:

⁽¹⁾ Vào hồi 18 giờ 06 phút ngày 13/01/2022, Đỗ Thị D sử dụng điện thoại di động Oppo màn hình cảm ứng, số Imei1 8636322031769173 lắp sim số 0976 227 xxx (BL 588), xác định chủ thuê bao Đỗ Thị D) gửi 01 tin nhắn đến điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 5 màu trắng, có lắp sim số 0344 325 063 của H, lưu tên trong danh bạ của H là “D” để mua 400 điểm lô, tính thành tiền mua lô là 9.200.000 đồng và 7.200.000 đồng tiền đề. Tổng số lô và số đề D mua của H là 16.400.000 đồng. Căn cứ kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc đã công bố trong ngày (BL 628), D đã trúng thưởng 400 điểm lô, được trả thưởng theo sự thỏa thuận là 32.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc trong ngày của D được tính bằng tiền D mua số lô, số đề và tiền trúng thưởng là 16.400.000 đồng + 32.000.000 đồng = 48.400.000 đồng (BL 1290-1291).

⁽²⁾Vào hồi 17 giờ 08 phút ngày 13/01/2022, Trần Đình L sử dụng điện thoại di động Iphone 6s màu trắng, màn hình cảm ứng, lắp sim số 0988 862 xxx (BL 570 xác định chủ thuê bao là Trần Đình Lê) gửi 01 tin nhắn đến sim số 0344

325 xxx của H, lưu trong danh bạ là “L” (BL 936) để mua 180 điểm lô, bằng 4.140.000 đồng và 2.400.000 đồng lô xiên. Tổng số lô L mua của H là 6.540.000 đồng. Căn cứ kết quả xổ số kiến thiết miền bắc đã công bố trong ngày (BL 628), xác định L đã trúng thưởng 90 điểm lô, được trả thưởng là 7.200.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc trong ngày của L được tính là số tiền Lê mua số lô và tiền trúng thưởng 6.540.000 đồng + 7.200.000 đồng = 13.740.000 đồng (BL 971, 974-975).

⁽³⁾Vào hồi 17 giờ 30 phút ngày 13/01/2022 Mai Thị T sử dụng điện thoại di động Iphone 7 màn hình cảm ứng, lắp sim số 0912 640 xxx (BL 601 xác định chủ thuê bao Mai Thị T) gửi 01 tin nhắn đến sim số 0344 325 xxx của H, H lưu tên trong danh bạ là “T”(BL 933-935) để mua 3.700.000 tiền đề. Căn cứ kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc đã công bố trong ngày (BL 628), T trúng thưởng 50.000 đồng tiền đề, được trả thưởng là 3.500.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc trong ngày của bị cáo T được tính là số tiền mua đề và tiền trúng thưởng 3.700.000 đồng + 3.500.000 đồng = 7.200.000 đồng (BL 971, 974-975).

⁽⁴⁾Vào hồi 17 giờ 02 phút ngày 13/01/2022 Nguyễn Duy Q sử dụng điện thoại di động, lắp sim số 0865 533 xxx (BL 567 xác định chủ thuê bao Nguyễn Duy Q) gửi 01 tin nhắn đến sim số 0344 325 xxx của H, H lưu tên của Q trong danh bạ điện thoại là “C Q1” (BL 937) để mua 200.000 đồng tiền đề, 30 điểm lô, thành tiền là 690.000 đồng, 200.000 đồng lô xiên. Tổng số tiền lô, tiền đề Quang mua của H là 1.090.000 đồng. Căn cứ kết quả xổ số kiến thiết miền bắc đã công bố trong ngày (BL 628), bị cáo Q trúng thưởng 40 điểm lô, được trả thưởng 1.600.000 đồng và 50.000 đồng tiền đề, được trả thưởng 3.500.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc trong ngày của bị cáo Q được tính là tiền mua số lô, số đề và tiền trúng thưởng số lô, số đề là 1.090.000 đồng + 1.600.000 đồng + 3.500.000 đồng = 6.190.000 đồng (971, 974-975).

⁽⁵⁾ Vào 17 giờ 46 phút ngày 13/01/2022 từ số điện thoại 0386 499 xxx (BL 687 xác định chủ thuê bao là La Thị H, địa chỉ phường M, thành phố H), được lưu trong danh bạ điện thoại của bị cáo H là “H” (BL 932) gửi đến số điện thoại 0344 325 xxx của H 01 tin nhắn có nội dung mua 5.600.000 đồng tiền đề. Căn cứ kết quả xổ số kiến thiết miền bắc đã công bố trong ngày (BL 628), số đề đã mua không trúng thưởng.

⁽⁶⁾ Vào hồi 16 giờ 50 phút ngày 13/01/2022, từ số điện thoại 0354 082 xxx (BL 564 xác định chủ thuê bao Nguyễn Thị B, địa chỉ phường Q, TP H) của Nguyễn Thị B, sinh ngày 10/11/1963, trú tại tổ 7, phường Q, TP H, tỉnh Hà Giang, gửi 01 tin nhắn đến số điện thoại 0344 325 xxx của H, H lưu tên của B trong danh bạ điện thoại là “C B” (BL 938) với tổng số tiền là 920.000 đồng mua 40 điểm lô, tính thành tiền là 920.000 đồng. Căn cứ kết quả xổ số kiến thiết miền bắc đã công bố trong ngày (BL 628), bà B không trúng thưởng. Tổng số tiền đánh bạc trong ngày của B là 920.000 đồng.

⁽⁷⁾ Hồi 18 giờ 05 phút ngày 13/01/2022 từ tài khoản Zalo có tên “Hậu H” gửi 03 tin nhắn cho H đến điện thoại Iphone XS Max có lắp sim số 0359 466 xxx đăng ký tài khoản Zalo có tên tài khoản là “Dao Thị H” của H để mua

2.760.000 đồng tiền đề, 26 điểm lô, thành tiền là 5.980.000 đồng (BL 952, 953). Tổng tiền mua số lô và số đề là 8.740.000 đồng. Căn cứ kết quả xổ số kiến thiết miền bắc đã công bố trong ngày, xác định tài khoản Zalo có tên “Hậu H” trúng thưởng 10 điểm lô, được trả thưởng là 800.000 đồng và 10.000 đồng tiền đề là 700.000 đồng. Tổng số tiền trúng thưởng là 1.500.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc trong ngày của tài khoản Zalo có tên “Hậu H” là 10.240.000 đồng (BL 972, 974-975).

⁽⁸⁾ Hồi 17 giờ 40 phút ngày 13/01/2022 từ tài khoản Zalo có tên “Hoang T” của Hoàng Thị T, sinh ngày 05/8/1974, trú tại tổ 6, phường Q, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang gửi 01 tin nhắn cho H đến điện thoại Iphone XS Max có lắp sim số 0359 466 xxx đăng ký tài khoản Zalo có tên tài khoản là “Dao Thị H” của H để mua 60.000 đồng tiền đề (BL 954). Căn cứ kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc đã công bố trong ngày (BL 628), xác định tài khoản Zalo có tên “Hoang T” không trúng thưởng.

Quá trình điều tra H khai, tài khoản có tên “Hoang T” của Hoàng Thị T, sinh ngày 05/8/1974, trú tại tổ 6, phường Q, TP H, tỉnh Hà Giang, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành xác minh và ghi lời khai đối với Hoàng Thị T, T thừa nhận đã sử dụng TK “Hoang T” để mua số lô, số đề của Đào Thị H (BL 1350,1351).

Lời khai của H được thể hiện tại các (BL 906 - 985), phù hợp với các biên bản kiểm tra giải trình điện thoại, phù hợp với lời khai của các bị cáo, các đối tượng có liên quan, phù hợp với các tài liệu điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Xác định, tổng số tiền bị cáo H nhận 910 điểm lô là 20.930.000 đồng và 19.500.000 đồng tiền đề, 2.600.000 đồng lô xiên, H đã nhắn 08 tin cho G mua 1.200 điểm lô là 26.280.000 đồng, 19.720.000 tiền đề, 2.700.000 đồng tiền lô xiên. Tổng số tiền, số lô, số đề H chuyển cho G là 48.700.000 đồng.

Căn cứ kết quả xổ số về trong ngày 13/01/2022, số lô, số đề H chuyển cho G đã trúng thưởng 545 điểm lô, được trả thưởng là 43.600.000 đồng và 70.000 đồng số đề, được trả thưởng là 4.900.000 đồng. Tổng được trả thưởng là 48.500.000 đồng.

Đối với số lô, số đề và số tiền mà H bán cho người chơi sau đó chuyển cho G (BL 913- 954, 974, 975) đã chênh lệch lên 200.000 đồng tiền đề và 290 điểm lô là 6.351.000 đồng, 100.000 đồng tiền lô xiên, tổng là 6.651.000 đồng. Căn cứ kết quả xổ số kiến thiết miền bắc đã công bố trong ngày, số lô, số đề và số tiền chênh lệch mà H mua cho G đã trúng thưởng 2.800.000 đồng tiền đề và 4.400.000 tiền lô. Quá trình điều tra không có tài liệu chứng minh H đã bán số lô và số đề chênh lệch trên cho người chơi. Do vậy, số tiền H mua chênh lệch là số tiền mà bị cáo H đánh bạc với bị cáo G, với tổng số tiền được tính là tiền mua số lô, số đề và số tiền trúng thưởng 6.651.000 đồng + 2.800.000 đồng + 4.400.000 đồng = 13.851.000 đồng.

Xác định tổng số tiền bị cáo H giúp sức cho hành vi tổ chức đánh bạc của G là số tiền mà bị cáo H bán cho những người chơi số lô, đề rồi chuyển cho G và số tiền trúng thưởng trừ đi số tiền H tự mua thêm là 48.700.000 đồng +

48.500.000 đồng = 97.200.000 đồng - 13.851.000 đồng = 83.349.000 đồng. Xác định tổng số tiền chênh lệch mà H được hưởng từ việc mua và bán số lô, số đề sau khi đã chiết khấu hoa hồng là 2.549.400 đồng.

3. Xác định hành vi phạm tội của bị cáo Hoàng Thị V, sinh ngày 07/01/1981, trú tại tổ 6, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang và bị cáo liên quan trực tiếp đến việc mua, bán số lô, số đề.

⁽¹⁾Vào hồi 18 giờ 07 phút ngày 13/01/2022, từ số điện thoại 0976 227 xxx Đỗ Thị D sử dụng điện thoại di động Oppo màn hình cảm ứng, lắp sim số 0976 227 xxx gửi 01 tin nhắn đến điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL lắp Sim số thuê bao là 0334 638 xxx (BL 560) xác định chủ thuê bao là Hà Thị L, địa chỉ phường Q, TP Hà Giang) do V sử dụng, để mua 400 điểm lô, tính thành tiền là 9.200.000 đồng và 2.000.000 đồng tiền đề. Tổng số lô và số đề D mua của Vàng là 11.200.000 đồng. Căn cứ kết quả xổ số kiến thiết miền bắc đã công bố trong ngày (BL 628), D đã trúng thưởng 200 điểm lô, được trả thưởng theo sự thỏa thuận là 16.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc với V trong ngày của D được tính bằng tiền D mua số lô, số đề và tiền trúng thưởng là 9.200.000 đồng + 16.000.000 đồng = 27.200.000 đồng (BL 1290-1291).

Lời khai của V (thể hiện tại BL 985 đến 1031) phù hợp với lời khai của D (BL 1263-1293), phù hợp với các biên bản kiểm tra giải trình điện thoại, hình ảnh chụp từ điện thoại.

⁽²⁾ Hồi 16h 48 phút ngày 13/01/2022 từ số điện thoại 0354 082 xxx (BL 564 xác định chủ thuê bao Nguyễn Thị B) của Nguyễn Thị B, sinh ngày 10/11/1963, trú tại tổ 7, phường Q, TP H, tỉnh Hà Giang nhắn 01 tin nhắn đến số điện thoại 0363 955 xxx (BL 985 xác định chủ thuê bao là Hoàng Thị V) của V để mua 40 điểm lô, với tổng số tiền là 920.000 đồng. Căn cứ kết quả xổ số kiến thiết miền bắc đã công bố trong ngày, B không trúng thưởng. Tổng số tiền đánh bạc trong ngày của bà B là 920.000 đồng.

Lời khai của B (thể hiện tại BL 985 đến 1031) phù hợp với lời khai của D (BL 1263-1293), phù hợp với các biên bản kiểm tra giải trình điện thoại, hình ảnh chụp từ điện thoại.

Xác định, tổng số tiền đánh bạc của V trong ngày 13/01/2022 được tính là số tiền mua số lô, số đề và số tiền trúng thưởng của D và B là 27.200.000 đồng + 920.000 đồng = 28.120.000 đồng.

4. Xác định hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Xuân T và bị cáo liên quan trực tiếp đến việc mua, bán số lô, số đề.

⁽¹⁾ Hồi 17 giờ 49 phút ngày 13/01/2022 từ số điện thoại 0986 164 xxx (BL 542, xác định chủ thuê bao Phạm Văn T), lắp trên điện thoại loại bàn phím màu vàng, trắng nhãn hiệu Nokia nhắn 01 tin đến điện thoại Iphone XS max lắp sim số 0945 468 xxx (BL540) không xác định được thông tin chủ thuê bao) của T với nội dung mua 400 điểm lô, với giá 21.700 đồng/01 điểm, thành tiền là

8.680.000 đồng. Căn cứ kết quả xổ số ngày 13/01/2022 (BL 628), số lô T mua của T không trúng thưởng.

⁽²⁾ Vào hồi 18 giờ 03 phút G đã nhắn tin cho T vào nhóm zalo “Cty 26” để mua một phần số lô, số đề mà H đã mua của G cho T là 23.310.000 đồng, đã trúng thưởng 50.000 đồng tiền đề, được trả thưởng là 3.500.000 đồng (*như đã nêu tại nội dung xác định hành vi phạm tội của G*).

⁽³⁾ Vào hồi 18 giờ 07 phút ngày 13/01/2022, T sử dụng điện thoại Iphone 7 Plus lắp sim số 0862 110 xxx nhắn 04 tin đến điện thoại di động Iphone X lắp sim số 0981 083 xxx của Phạm Thái Q (BL 545), xác định chủ thuê bao Hoàng Thị N, phường M, thành phố H) để mua 6.825.000 đồng tiền đề và 280 điểm lô, thành tiền mua lô là 6.076.000 đồng, 500.000 đồng lô xiên. Tổng mua cả lô và đề là 13.401.000 đồng. Căn cứ kết quả xổ số ngày 13/01/2022 xác định T không trúng thưởng. Xác định T đánh bạc với Q số tiền là 13.401.000 đồng.

T khẳng định số điện thoại 0945 468 xxx là do T sử dụng. Xác định, trong ngày 13/01/2022 T mua, bán 23.625.000 tiền đề, 980 điểm lô là 21.266.000 đồng, lô xiên 500.000 đồng và số tiền trúng thưởng 50.000 đồng tiền đề là 3.500.000 đồng, tổng là 48.891.000 đồng.

5. Xác định hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Thái Q và đối tượng liên quan trực tiếp đến việc mua, bán số lô, số đề.

Sau khi nhận 04 tin nhắn mua số lô, số đề của T, vào hồi 18 giờ 13 phút ngày 13/01/2022 Q sử dụng điện thoại di động Iphone X lắp sim có số thuê bao 0981 083 xxx nhắn 02 tin nhắn vào số điện thoại 0392 177 xxx (*BL 541 xác định chủ thuê bao là Nguyễn Thị C, trú tại xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình*) của Bùi Thanh D, sinh ngày 06/5/1985, trú tại tổ 10, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang để mua 600.000 đồng tiền số đề, 75 điểm lô là 1.627.500 đồng và 250.000 đồng tiền lô xiên. Tổng số tiền lô và đề Q mua của D là 2.477.500 đồng. Căn cứ vào kết quả xổ số kiến thiết miền bắc về trong ngày 13/01/2022, xác định số lô, số đề Q mua của D không trúng thưởng.

Quá trình điều tra Bùi Thanh D khai nhận, vào hồi 18 giờ 13 phút ngày 13/01/2022 được sử dụng số điện thoại 0392 177 xxx để nhận 01 tin nhắn mua số lô, số đề của T, lời khai của D (thể hiện tại bút lục 1362 đến 1363), phù hợp với lời khai của Q (BL 1102-1151).

Xác định trong ngày 13/01/2022 Q đánh bạc với 02 người, với số tiền là 15.878.500 đồng.

Quá trình điều tra còn xác định được từ ngày 04/01/2022 đến ngày 11/01/2022 Nguyễn Ngọc T sử dụng số điện thoại 0327 934 xxx (*BL 548, xác định chủ thuê bao Nguyễn Văn H địa chỉ 280 H, L, tỉnh Vĩnh Long*) 08 ngày gửi tin nhắn đến số điện thoại 0981 083 xxx của Q để mua số lô, số đề. Trong đó có 03 ngày số tiền mua, bán dưới 5.000.000 đồng và 05 ngày có số tiền mua, bán số lô, số đề trên 5.000.000 đồng, trong đó lần mua, bán số lô, số đề với số tiền cao nhất là 19.600.000 đồng, cụ thể như sau:

(¹) Hồi 18 giờ 08 phút ngày 04/01/2022 nhấn 01 tin nhắn với nội dung mua 2.000.000 đồng tiền đề. Căn cứ kết quả xổ số ngày 04/01/2022 (BL 619), số đề T mua của Phạm Thái Qg không trúng thưởng.

(²) Hồi 18 giờ 05 phút ngày 05/01/2022 nhấn 02 tin mua 3.440.000 đồng tiền đề. Căn cứ kết quả xổ số ngày 05/01/2022 (BL 620), số đề T mua của Phạm Thái Q không trúng thưởng.

(³) Hồi 18 giờ 08 phút ngày 06/01/2022 nhấn 05 tin mua 12.600.000 đồng tiền đề. Căn cứ kết quả xổ số ngày 06/01/2022 (BL 621), số đề Thìn mua của Phạm Thái Q trúng thưởng 100.000 đồng tiền đề, được trả thưởng 7.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc của Q và T ngày 06/01/2022 là 19.600.000 đồng.

(⁴) Hồi 17 giờ 52 phút ngày 07/01/2022 nhấn 04 tin mua 4.900.000 đồng tiền đề, 500.000 đồng tiền lô xiên. Căn cứ kết quả xổ số ngày 07/01/2022 (BL 622), số đề T mua của Phạm Thái Q không trúng thưởng. Tổng số tiền đánh bạc được tính là 5.400.000 đồng.

(⁵) Hồi 18 giờ 16 phút ngày 08/01/2022 nhấn 01 tin mua 2.000.000 đồng tiền đề. Căn cứ kết quả xổ số ngày 08/01/2022 (BL 623), số đề T mua của Phạm Thái Q không trúng thưởng.

(⁶) Hồi 18 giờ 10 phút ngày 09/01/2022 nhấn 03 tin mua 8.800.000 đồng tiền đề. Căn cứ kết quả xổ số ngày 09/01/2022 (BL 624), số đề T mua của Phạm Thái Q không trúng thưởng.

(⁷) Hồi 18 giờ 12 phút ngày 10/01/2022 nhấn 03 tin mua 8.000.000 đồng tiền đề. Căn cứ kết quả xổ số ngày 10/01/2022 (BL 625), số đề T mua của Phạm Thái Q không trúng thưởng.

(⁸) Hồi 17 giờ 55 phút ngày 11/01/2022 nhấn 04 tin mua 5.800.000 đồng tiền đề. Căn cứ kết quả xổ số ngày 11/01/2022 (BL 626), số đề T mua của Phạm Thái Q không trúng thưởng.

6. *Xác định hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Ngọc T và đối tượng liên quan trực tiếp đến việc mua, bán số lô, số đề.*

Hồi 17 giờ 49 phút ngày 13/01/2022 từ số điện thoại 0972 639 280 nhấn 02 tin nhắn đến số điện thoại 0327 934 706 của T với nội dung mua 2.800.000 đồng tiền đề. Căn cứ kết quả xổ số ngày 13/01/2022 số lô, số đề đã mua trên trúng thưởng 50.000 đồng tiền đề, được trả thưởng là 3.500.000 đồng. Xác định T đánh bạc với số điện thoại trên là 6.300.000 đồng.

Từ ngày 04/01/2022 đến ngày 12/01/2022, từ số điện thoại 0972 639 xxx đã nhấn tin đến số điện thoại 0327 934 706 của Nguyễn Ngọc T đề mua số lô, số đề. Trong đó có 02 ngày số tiền mua, bán dưới 5.000.000 đồng và có 05 ngày có số tiền mua, bán số lô, số đề trên 5.000.000 đồng, cụ thể như sau:

(¹) Hồi 17 giờ 50 phút ngày 04/01/2022 nhấn 02 tin mua 7.100.000 đồng tiền đề. Căn cứ kết quả xổ số ngày 04/01/2022, trúng thưởng 250.000 đồng tiền

đề, được trả thưởng 17.500.000 đồng (BL 1174-1175). Tổng số tiền đánh bạc được tính là 24.600.000 đồng.

(2) Hội 17 giờ 54 phút ngày 05/01/2022 nhấn 03 tin mua 50 điểm lô, tính thành tiền là 1.085.000 đồng, 5.500.000 đồng tiền đề (BL 1176). Căn cứ kết quả xổ số ngày 05/01/2022, trúng thưởng 25 điểm lô được trả thưởng 2.000.000. Tổng số tiền đánh bạc được tính là 8.585.000 đồng.

(3) Hội 17 giờ 59 phút ngày 06/01/2022 nhấn 02 tin mua 200 điểm lô, tính thành tiền là 4.340.000 đồng, 1.100.000 đồng tiền đề (BL 1177). Căn cứ kết quả xổ số ngày 06/01/2022, trúng thưởng 100 điểm lô được trả thưởng 8.000.000. Tổng số tiền đánh bạc được tính là 13.440.000 đồng.

(4) Hội 17 giờ 54 phút ngày 07/01/2022 nhấn 01 tin mua 450 điểm lô, tính thành tiền là 9.765.000 đồng (BL 1178). Căn cứ kết quả xổ số ngày 07/01/2022, trúng thưởng 50 điểm lô được trả thưởng 4.000.000. Tổng số tiền đánh bạc được tính là 13.765.000 đồng.

(5) Hội 17 giờ 08 phút ngày 08/01/2022 nhấn 04 tin mua 150 điểm lô, tính thành tiền là 3.255.000 đồng, 6.600.000 đồng tiền đề (BL 1179). Căn cứ kết quả xổ số ngày 08/01/2022, trúng thưởng 25 điểm lô được trả thưởng 2.000.000 và 250.000 đồng tiền đề được trả thưởng là 10.500.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc được tính là 22.355.000 đồng.

(6) Hội 17 giờ 21 phút ngày 11/01/2022 nhấn 01 tin mua 400.000 đồng tiền đề (BL 1184). Căn cứ kết quả xổ số ngày 11/01/2022, không trúng thưởng. Tổng số tiền đánh bạc được tính là 400.000 đồng

(7) Hội 17 giờ 00 phút ngày 12/01/2022 nhấn 02 tin mua 50 điểm lô, tính thành tiền là 1.085.000 đồng, 2.790.000 đồng tiền đề (BL 1185). Căn cứ kết quả xổ số ngày 12/01/2022, không trúng thưởng. Tổng số tiền đánh bạc được tính là 3.875.000 đồng.

Từ ngày 04/01/2022 đến ngày 12/01/2022, từ số điện thoại 0972 445 xxx nhấn tin đến số điện thoại 0327 934 706 của Nguyễn Ngọc T đề mua số lô, số đề. Trong đó có 01 ngày số tiền mua, bán dưới 5.000.000 đồng và có 07 ngày có số tiền mua, bán số lô, số đề trên 5.000.000 đồng, có 01 ngày số tiền mua, bán trên 50.000.000 đồng, cụ thể như sau:

(1) Hội 18 giờ 14 phút ngày 04/01/2022, nhấn 05 tin mua 60 điểm lô, tính thành tiền là 1.302.000 đồng, 800.000 đồng lô xiên, 12.300.000 đồng tiền đề (BL 1175). Căn cứ kết quả xổ số ngày 04/01/2022, không trúng thưởng. Tổng số tiền đánh bạc được tính là 14.402.000 đồng.

(2) Hội 18 giờ 09 phút ngày 05/01/2022 nhấn 05 tin, mua 53 điểm lô, tính thành tiền là 1.150.100 đồng, 4.650.000 tiền đề (BL 1176-1177). Căn cứ kết quả xổ số ngày 05/01/2022, trúng thưởng 13 điểm lô được trả thưởng 1.040.000 đồng, 50.000 đồng tiền đề, được trả thưởng 3.500.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc được tính là 10.700.100 đồng.

(3) Hồi 17 giờ 37 phút ngày 06/01/2022 nhấn 05 tin, mua 200 điểm lô, tính thành tiền là 4.340.000 đồng, 15.500.000 đồng tiền đề (BL 1177-1178). Căn cứ kết quả xổ số ngày 06/01/2022, không trúng thưởng. Tổng số tiền đánh bạc được tính là 19.840.000 đồng.

(4) Hồi 17 giờ 52 phút ngày 07/01/2022 nhấn 08 tin, 85 điểm lô, tính thành tiền là 1.844.500 đồng, lô xiên 1.500.000 đồng, 15.750.000 tiền đề (BL 1179). Căn cứ kết quả xổ số ngày 05/01/2022, trúng thưởng 30 điểm lô được trả thưởng 2.400.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc được tính là 21.490.500 đồng.

(5) Hồi 17 giờ 58 phút ngày 08/01/2022 nhấn 06 tin, mua 60 điểm lô, tính thành tiền là 1.302.000 đồng, 3.000.000 đồng tiền lô xiên, 15.750.000 đồng tiền đề (BL 1180). Căn cứ kết quả xổ số ngày 08/01/2022, trúng thưởng 30 điểm lô được trả thưởng 2.400.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc được tính là 22.452.000 đồng.

(6) Hồi 18 giờ 01 phút ngày 09/01/2022 nhấn 12 tin, mua và bán 300 điểm lô, tính thành tiền là 6.510.000 đồng, 32.250.000 đồng tiền đề (BL 1182). Căn cứ kết quả xổ số ngày 09/01/2022, trúng thưởng 120 điểm lô được trả thưởng 9.600.000 đồng và trúng thưởng 400.000 đồng tiền đề được trả thưởng 28.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc được tính là 76.360.000 đồng.

(7) Hồi 18 giờ 02 phút ngày 10/01/2022 nhấn 05 tin, mua và bán 500 điểm lô tính thành tiền là 10.850.000 đồng, 10.000.000 đồng tiền đề (BL 1184). Căn cứ kết quả xổ số ngày 10/01/2022, trúng thưởng 125 điểm lô được trả thưởng 10.000.000 đồng, trúng thưởng 150.000 đồng tiền đề được trả thưởng 10.500.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc được tính là 41.350.000 đồng.

(8) Hồi 18 giờ 08 phút ngày 11/01/2022 nhấn 02 tin, bán 3.700.000 đồng tiền đề (BL 1185). Căn cứ kết quả xổ số ngày 11/01/2022, xác định không trúng thưởng. Tổng số tiền đánh bạc được tính là 3.700.000 đồng.

(9) Hồi 17 giờ 59 phút ngày 12/01/2022 nhấn 05 tin, mua và bán 100 điểm lô tính thành tiền là 2.170.000 đồng, 8.750.000 đồng tiền đề (BL 1185). Căn cứ kết quả xổ số ngày 10/01/2022, trúng thưởng 30.000 đồng tiền đề được trả thưởng 2.100.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc được tính là 13.020.000 đồng.

Từ ngày 04/01/2022 đến ngày 12/01/2022, từ số điện thoại 0347 021 xxx (BL 555), xác định chủ thuê bao là Phạm Văn D đã nhấn tin đến số điện thoại 0327 934 706 của Nguyễn Ngọc T đề mua số lô, số đề. Trong đó có 02 ngày số tiền mua, bán dưới 5.000.000 đồng và có 06 ngày có số tiền mua, bán số lô, số đề trên 5.000.000 đồng, cụ thể như sau:

(1) Hồi 18 giờ 11 phút ngày 04/01/2022, nhấn 01 tin mua 340 điểm lô, tính thành tiền là 7.378.000 đồng, 3.750.000 đồng tiền đề (BL 1175). Căn cứ kết quả xổ số ngày 04/01/2022, trúng thưởng 170 điểm lô được trả thưởng 13.600.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc được tính là 24.728.000 đồng.

(2) Hồi 18 giờ 08 phút ngày 05/01/2022 nhấn 02 tin, mua 305 điểm lô, tính thành tiền là 6.618.500 đồng, 5.200.000 tiền đề (BL 1176). Căn cứ kết quả xổ

số ngày 05/01/2022, trúng thưởng 150.000 đồng tiền đề được trả thưởng 10.500.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc được tính là 22.318.500 đồng.

(3) Hội 18 giờ 10 phút ngày 06/01/2022, nhẵn 02 tin mua 3.000.000 đồng tiền đề (BL 1177). Căn cứ kết quả xổ số ngày 06/01/2022, xác định không trúng thưởng. Tổng số tiền đánh bạc được tính là 3.000.000 đồng.

(4) Hội 18 giờ 08 phút ngày 07/01/2022, nhẵn 01 tin mua 70 điểm lô, tính thành tiền là 1.519.000 đồng, 6.750.000 đồng tiền đề (BL 1178). Căn cứ kết quả xổ số ngày 07/01/2022, trúng thưởng 21 điểm lô được trả thưởng 1.680.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc được tính là 9.949.000 đồng.

(5) Hội 18 giờ 06 phút ngày 09/01/2022, nhẵn 02 tin mua 5.900.000 đồng tiền đề (BL 1181-1182). Căn cứ kết quả xổ số ngày 04/01/2022, trúng thưởng 150.000 đồng tiền đề được trả thưởng 10.500.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc được tính là 16.400.000 đồng.

(6) Hội 17 giờ 53 phút ngày 10/01/2022, nhẵn 01 tin mua 2.200.000 đồng tiền đề (BL 1183). Căn cứ kết quả xổ số ngày 04/01/2022, trúng thưởng 350.000 đồng tiền đề được trả thưởng 24.500.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc được tính là 26.700.000 đồng.

(7) Hội 18 giờ 06 phút ngày 11/01/2022, nhẵn 01 tin mua 2.500.000 đồng tiền đề (BL 1184). Căn cứ kết quả xổ số ngày 11/01/2022, xác định không trúng thưởng. Tổng số tiền đánh bạc được tính là 2.500.000 đồng.

(8) Hội 17 giờ 53 phút ngày 12/01/2022, nhẵn 01 tin mua 1060 điểm lô tính thành tiền là 23.002.000 đồng, 1.950.000 đồng tiền đề (BL 1185, BL 1237). Căn cứ kết quả xổ số ngày 12/01/2022, trúng thưởng 50 điểm lô được trả thưởng 4.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc được tính là 28.952.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định, trong các ngày từ ngày 04/01/2022 đến ngày 13/01/2022 Nguyễn Ngọc T đã thực hiện hành vi mua đi, bán lại số lô, số đề với D, Phạm Thái Q, số điện thoại 0972 639 xxx, số điện thoại 0972.445.xxx với số tiền cụ thể như sau:

(1) Ngày 04/01/2022 tổng số tiền lô, số đề và số tiền trúng thưởng, trả thưởng là 65.730.000 đồng.

(2) Ngày 05/01/2022 tổng số tiền lô, số đề và số tiền trúng thưởng, trả thưởng là 45.043.600 đồng.

(3) Ngày 06/01/2022 tổng số tiền lô, số đề và số tiền trúng thưởng, trả thưởng là 55.880.000 đồng.

(4) Ngày 07/01/2022 tổng số tiền lô, số đề và số tiền trúng thưởng, trả thưởng là 50.608.500 đồng.

(5) Ngày 08/01/2022 tổng số tiền lô, số đề và số tiền trúng thưởng, trả thưởng là 46.807.000 đồng.

(6) Ngày 9/01/2022 tổng số tiền lô, số đề và số tiền trúng thưởng, trả thưởng là 101.560.000 đồng.

⁽⁷⁾ Ngày 10/01/2022 tổng số tiền lô, số đề và số tiền trúng thưởng, trả thưởng là 76.050.000 đồng.

⁽⁸⁾ Ngày 11/01/2022 tổng số tiền lô, số đề và số tiền trúng thưởng, trả thưởng là 12.400.000 đồng.

⁽⁹⁾ Ngày 12/01/2022 tổng số tiền lô, số đề và số tiền trúng thưởng, trả thưởng là 22.535.000 đồng.

⁽¹⁰⁾ Ngày 13/01/2022 tổng số tiền lô, số đề và số tiền trúng thưởng, trả thưởng là 6.300.000 đồng.

Cáo trạng số 25/CT-VKS-P2 ngày 14 tháng 8 năm 2022, của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo Đỗ Thị G và Đào Thị H về các tội Đánh bạc và Tổ chức đánh bạc, qui định tại khoản 1 Điều 321 và điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Ngọc T và Đỗ Thị D về tội Đánh bạc theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Hoàng Thị V, Phạm Thái Q, Vũ Xuân T, Trần Đình L, Phạm Văn D, Mai Thị T, Nguyễn Duy Q và Phạm Văn T về tội Đánh bạc, theo qui định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Đỗ Thị G, Đào Thị H, Nguyễn Ngọc T, Đỗ Thị D, Hoàng Thị V, Phạm Thái Q, Vũ Xuân T, Trần Đình L, Phạm Văn D, Mai Thị T, Nguyễn Duy Q và Phạm Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội:

Bị cáo Đỗ Thị G, khai nhận: Vào ngày 13/01/2022, G có nhận của Đào Thị H 08 tin nhắn qua điện thoại với 1.200 điểm lô, là 26.280.000đ, 19.720.000đ tiền đề, 2.700.000đ lô xiên. Tổng tiền H chuyển cho G là **48.700.000đ**, trúng thưởng là 52.500.000đ. Tổng số tiền G Tổ chức đánh bạc **92.350.000đ**. Ngoài ra, G chuyển tin nhắn số lô, đề cho Vũ Xuân T 23.310.000đ, thưởng 3.500.000đ; tổng là 26.810.000 đồng; đánh bạc với H 5.650.000đ + 3.200.000đ thưởng = 8.850.000đ. G được hưởng từ việc mua và bán số lô, số đề sau khi đã chiết khấu hoa hồng với T số tiền là 396.000đ.

Bị cáo Đào Thị H khai nhận: Bị cáo G đã thoả thuận với bị cáo nhận số lô, đề của những người đánh bạc, sau đó chuyển cho bị cáo G và hưởng chênh lệch tiền hoa hồng, bị cáo nhất trí. Ngày 13/01/2022, bị cáo đã nhận số lô, số đề chuyển cho G và đã trúng thưởng gồm: Đỗ Thị D 48.400.000 đồng; Trần Đình L 13.740.000 đồng; Mai Thị T 7.200.000 đồng; Nguyễn Duy Q 6.190.000 đồng; H giúp sức cho hành vi Tổ chức đánh bạc của G là **92.350.000đ**; tổng số tiền chênh lệch mà H được hưởng từ việc mua và bán số lô, số đề sau khi đã chiết khấu hoa hồng là 2.549.400 đồng. Ngoài ra, H đánh bạc và trúng thưởng với G số tiền là 8.850.000 đồng.

Bị cáo Phạm Thái Q khai nhận: Từ ngày 06/01/2022 đến 10/01/2022, bị cáo đã nhận số lô, số đề và trả thưởng với Nguyễn Ngọc T, cụ thể (Ngày 06/01/2021 số tiền 19.600.000 đồng; ngày 07/01/2022, là 5.400.000 đồng; ngày 09/01/2022 là 8.800.000đ đề; ngày 10/01/2022 là 8.000.000đ). Ngày

13/01/2022, nhận 04 tin nhắn của Vũ Xuân T tiền đề, lô, lô xiên số tiền 13.401.000đ.

Bị cáo Vũ Xuân T khai nhận: Ngày 13/01/2021, T đã nhận tin nhắn của G mua số lô, đề số tiền là 23.310.000 đồng, trúng thưởng 50.000 đồng tiền đề, là 3.500.000; tổng số là 26.810.000đ. T gửi 04 tin nhắn cho Phạm Thái Q mua số đề, lô, lô xiên là 13.401.000 đồng. Nhận 01 tin nhắn của Phạm Văn T mua số lô, đề là 8.680.000 đồng.

Bị cáo Hoàng Thị V khai nhận: Ngày 13/01/2022, V đã nhận từ Đỗ Thị D gửi 01 tin nhắn mua 400 điểm lô 9.200.000 đồng và 2.000.000đ tiền đề. Tổng số 11.200.000đ, trúng thưởng 16.000.000đ; tổng số tiền V đánh bạc với D số tiền 27.200.000đ.

Bị cáo Nguyễn Ngọc T khai nhận: Từ ngày 06/01/2022 đến 11/01/2022 T đã nhắn tin đánh đề, lô, lô xiên với Phạm Thái Q và được trả thưởng gồm (Ngày 06/01/2021 số tiền 19.600.000đ; ngày 07/01/2022 là 5.400.000đ; ngày 09/01/2022 là 8.800.000đ; ngày 10/01/2022 là 8.000.000đ). Từ ngày 04/01/2022 đến ngày 12/01/2022, T đã nhận tin nhắn của Phạm Văn D số lô, đề và tiền thưởng gồm (Ngày 04/01/2022 số tiền 24.728.000đ; ngày 05/01/2022 số tiền 22.318.500đ; Ngày 06/01/2022 số tiền 9.949.000đ. Ngày 09/01/2022, số tiền 16.400.000đ. Ngày 10/01/2022 số tiền 26.700.000đ; ngày 12/01/2022 số tiền 28.952.000đ).

Bị cáo Đỗ Thị D khai nhận: Ngày 13/01/2022, D gửi 01 tin nhắn đến Đào Thị H mua số lô, đề số tiền là 16.400.000đ; trúng thưởng là 32.000.000đ; tổng số tiền đánh bạc của D với H là 48.400.000 đồng. D gửi tin nhắn đến V mua số lô, đề là 11.200.000đ, trúng thưởng 16.000.000đ; D đánh bạc với V là 27.200.000đ. Tổng số tiền D đánh bạc với H và V trong ngày là 75.600.000đ.

Bị cáo Phạm Văn T khai nhận: Ngày 13/01/2022, bị cáo đã gửi 01 tin nhắn đến T mua 400 điểm lô là 8.680.000đ, không trúng thưởng.

Bị cáo Phạm Văn D khai nhận: Từ ngày 04/01/2022 đến ngày 12/01/2022, D đã gửi tin nhắn để mua số lô, đề, lô xiên với Nguyễn Ngọc T với số tiền trên 5.000.000đ trở lên/ngày; nội dung nhắn tin chuyển và trúng thưởng như nội dung bị cáo T đã khai nhận đánh bạc với D.

Bị cáo Trần Đình L khai nhận: Ngày 13/01/2022, mua số lô, đề của Huệ 6.540.000, trúng thưởng 7.200.000đ; tổng số tiền L đánh bạc với H là 13.740.000đ.

Bị cáo Nguyễn Duy Q khai nhận: Ngày 13/01/2022, gửi 01 tin nhắn đến H mua 200.000đ tiền đề, 690.000đ tiền lô, 200.000đ lô xiên; tổng số là 1.090.000đ; trúng thưởng 3.500.000đ tiền đề và 1.600.000đ tiền lô. Tổng số tiền Q đánh bạc với H là 6.190.000đ.

Bị cáo Mai Thị T khai nhận: Ngày 13/01/2022, gửi 01 tin nhắn đến H mua 3.700.000đ tiền đề, trúng thưởng 50.000đ tiền đề, được trả thưởng là 3.500.000đ. Tổng số tiền T đánh bạc trong ngày với H 7.200.000đ.

Các bị cáo xác nhận toàn bộ nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân

dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, không bỏ sung gì thêm. Bị cáo Nguyễn Ngọc T không thừa nhận được đánh bạc số lô, đề với các số điện thoại 0972 445 xxx từ ngày 04/01/2022 đến ngày 12/01/2022 theo nội dung Cáo trạng nêu là 09 lần và số điện thoại 0972 639 xxx từ ngày 04/01/2022 đến ngày 13/01/2022 là 08 lần với lý do: Khi bị cáo bị bắt, do lo sợ và hoảng loạn nên các tin nhắn gửi về số điện thoại của bị cáo, thì bị cáo không nhớ nên mới khai tên 02 người là Hạnh và Hải; sau đó Cơ quan điều tra tổng hợp tin nhắn và kết quả xổ số thì bị cáo nghĩ rằng những tin nhắn này gửi về điện thoại của bị cáo thì bị cáo phải chịu trách nhiệm; còn thực tế bị cáo không được đánh bạc, nhận tiền và chuyển tiền với 02 số điện thoại nêu trên như cáo trạng đã nêu và tổng hợp gồm có 04 ngày bị cáo đánh bạc số tiền trên 50.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa đã đưa ra các chứng cứ tài liệu luận tội các bị cáo, phân tích về tính chất vụ án, mức độ, vai trò thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo; giữ nguyên nội dung truy tố về tội danh đối với các bị cáo; kết luận bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đỗ Thị G, Đào Thị H phạm các tội Đánh bạc và Tổ chức đánh bạc; các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Đỗ Thị D, Hoàng Thị V, Phạm Thái Q, Vũ Xuân T, Trần Đình L, Phạm Văn D, Mai Thị T, Nguyễn Duy Q và Phạm Văn T phạm tội Đánh bạc.

2. Về hình phạt:

* Hình phạt chính:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Thị G; xử phạt bị cáo Đỗ Thị G từ 13 đến 14 tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc và từ 06 đến 07 tháng tù về tội Đánh bạc. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội, bị cáo Đỗ Thị G phải chịu từ **18 đến 21 tháng tù**; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù, được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/01/2022 đến ngày 10/3/2022.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; khoản 1 Điều 321, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đào Thị H; xử phạt bị cáo Đào Thị H từ 12 đến 13 tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc và từ 06 đến 07 tháng tù về tội Đánh bạc. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội, bị cáo Đào Thị H phải chịu từ **19 đến 21 tháng tù**. thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù, được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2022 đến ngày 22/01/2022.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Thị D; xử phạt bị cáo Đỗ Thị D **03 năm tù**, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T; xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T **từ 24 đến 25** tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 50 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn D; xử phạt bị cáo Phạm Văn Dương từ **14 đến 15** tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 28 đến 30 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Thái Q; xử phạt bị cáo Phạm Thái Q từ **12 đến 15** tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s, i, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Xuân T; xử phạt bị cáo Vũ Xuân Toàn từ **07 đến 08** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 16 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Thị V; xử phạt bị cáo Hoàng Thị V từ **09 đến 10** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 20 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Đình L, Mai Thị T, Nguyễn Duy Q và Phạm Văn T;

+ Xử phạt bị cáo Trần Đình L từ **10 đến 13** tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Mai Thị T từ **12 đến 15** tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy Q từ **10 đến 13** tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ **12 đến 15** tháng cải tạo không giam giữ.

* Về hình phạt bổ sung:

- Áp dụng khoản 3 Điều 322 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đỗ Thị G và Đào Thị H; xử phạt bị cáo Đỗ Thị G 25.000.000đ – 30.000.000đ, bị cáo Đào Thị H từ 20.000.000đ – 25.000.000đ.

- Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Phạm Thái Q, Phạm Văn D, Vũ Xuân T, Hoàng Thị V, Trần Đình L, Nguyễn Duy Q và Phạm Văn T:

- Xử phạt các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Phạm Thái Q, Phạm Văn D, Vũ Xuân T, Hoàng Thị V mỗi bị cáo số tiền từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ.

- Xử phạt các bị cáo Trần Đình L, Nguyễn Duy Q và Phạm Văn T mỗi bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Đỗ Thị D và Mai Thị T; do các bị cáo đang phải điều trị bệnh hiểm nghèo.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự:

Truy thu sung quỹ Nhà nước đối với bị cáo Đỗ Thị G 58.210.000 đồng, bị cáo Đào Thị H 5.779.000 đồng, bị cáo Vũ Xuân T 45.391.000 đồng, bị cáo Hoàng Thị V 11.200.000 đồng, bị cáo Phạm Thái Q 54.00.000 đồng, bị cáo Nguyễn Ngọc T 64.267.000 đồng, bị cáo Đỗ Thị D 48.000.000 đồng, bị cáo Phạm Văn D 64.780.000 đồng, Trần Đình L 7.200.000 đồng, Nguyễn Duy Q 3.500.000 đồng, Mai Thị T 5.100.000 đồng.

Không truy thu đối với bị cáo Phạm Văn T.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 14 chiếc điện thoại di động.

- Tịch thu tiêu huỷ toàn bộ các quyền sở hữu của các bị cáo.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Phần tranh luận, các bị cáo nhất trí với nội dung luận tội và quan điểm đề nghị về tội danh, hình phạt, xử lý vật chứng của Kiểm sát viên tại phiên tòa; bị cáo T không nhất trí về việc tịch thu 03 chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo, lý do có 02 chiếc điện thoại là của con bị cáo không sử dụng vào thực hiện hành vi phạm tội.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Đã biết hành vi phạm tội của các bị cáo là vi phạm pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân tỉnh Hà Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và định khung hình phạt: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội; lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; về mặt thời gian, các ngày, số tiền các bị cáo mua bán số lô, đề, lô xiên, số tiền trúng thưởng mà các bị cáo đã đánh bạc với nhau được thua bằng tiền; Biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ 18 giờ 40 phút đến 19 giờ 00 ngày 13/01/2022, Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Hà Giang đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với ⁽¹⁾ Vũ Xuân T, ⁽²⁾ Đào Thị H, ⁽³⁾ Phạm Thái Q, ⁽⁴⁾ Hoàng Thị V, trong khi các đối tượng đang sử dụng điện thoại di động để mua, bán số lô, số đề, lô xiên tại nơi ở của các bị cáo, cụ thể các bị cáo đã mua bán, nhận và chuyển cho nhau số lô, đề, lô xiên như sau:

[3] Bị cáo Đỗ Thị G, do đã có sự bàn bạc từ trước về việc tổ chức mua bán số lô, đề với Đào Thị H, ngày 13/01/2022, G đã nhận của H 08 tin nhắn qua điện thoại tổng số tiền lô, đề, lô xiên là 48.700.000 đồng, kết quả H đã trúng thưởng 52.500.000đ. Sau khi nhận số lô, đề từ H, G đã nhắn 05 tin cho T số lô và đề chuyển cho T là 23.310.000 đồng; kết quả trúng thưởng là 3.500.000 đồng. G Tổ chức đánh bạc tổng số tiền là **92.350.000đ**; tổng số tiền chênh lệch mà G được hưởng từ việc mua và bán số lô, đề sau khi đã chiết khấu hoa hồng là 396.000 đồng. G đánh bạc với Vũ Xuân T là 26.810.000 đồng. Tiền thu lợi bất chính của G là 48.700.000đ (H chuyển) + 3.500.000đ (Trả thưởng) + 5.650.000 (H đánh bạc) + 360.000đ (chiết khấu từ số tiền chuyển cho T) = **58.210.000đ**.

[4] Bị cáo Đào Thị H: Ngày 13/01/2022, H đã nhận của những người mua số lô, đề, lô xiên, sau đó H tổng hợp và chuyển cho G gồm: Đỗ Thị D 16.400.000 đồng, trúng thưởng 32.000.000đ, tổng 48.400.000đ; Trần Đình L 6.540.000đ, trúng thưởng 7.200.000đ, tổng 13.740.000 đồng; Mai Thị T 3.700.000đ, trúng thưởng 3.500.000đ, tổng 7.200.000đ; Nguyễn Duy Q 1.090.000đ, trúng thưởng 5.100.000đ, tổng 6.190.000đ. H giúp sức cho hành vi Tổ chức đánh bạc của G số tiền là (48.700.000đ + 52.500.000đ) - (5.650.000đ + 3.200.000đ) = **92.350.000đ**; tổng số tiền chênh lệch mà Huê được hưởng từ việc mua và bán số lô, đề sau khi đã chiết khấu hoa hồng là 2.549.400 đồng. Ngày 13/01/2022, H đánh bạc với Giang số tiền là 5.650.000đ, trúng thưởng 3.200.000đ. Tổng số tiền thu lợi bất chính của bị cáo H là: 3.200.000đ thưởng + 2.549.400đ hoa hồng = **5.779.000đ**.

[5] Bị cáo Phạm Thái Q: Từ ngày 06/01/2022 đến 11/01/2022, Q đã nhận số lô, đề và trả thưởng với Nguyễn Ngọc T gồm (Ngày 06/01/2022, 12.600.000 đồng tiền đề, trúng thưởng 7.000.000 đồng, tổng 19.600.000đ; ngày 07/01/2022, số tiền 5.400.000đ; ngày 09/01/2022, số tiền 8.800.000đ; ngày 10/01/2022, số tiền 8.000.000đ; ngày 11/01/2022, số tiền 5.800.000đ; ngày 13/1/2022, nhận 04 tin nhắn của Vũ Xuân T tiền đề, lô, lô xiên, tổng số tiền 13.401.000đ. Như vậy, Phạm Thái Q đánh bạc với 02 người trong nhiều ngày với số tiền cao nhất trong ngày là 19.600.000đ, thấp nhất trong ngày là 5.400.000đ. Tổng số tiền thu lợi bất chính của Phạm Thái Q là 61.001.000đ – 7.000.000đ tiền thưởng = **54.001.000đ**.

[6] Bị cáo Vũ Xuân T: Ngày 13/01/2021, T đã nhận tin nhắn của G số lô, đề là 23.310.000 đồng, trúng thưởng là 3.500.000; tổng là 26.810.000đ. T gửi 04 tin nhắn cho Phạm Quang T đề, lô, lô xiên là 13.401.000 đồng; nhận 01 tin nhắn của Phạm Văn T mua số lô, đề là 8.680.000 đồng. Trong ngày 13/01/2022, T đánh bạc tổng số tiền với G là 26.810.000 đồng + T 13.401.000đ + T

8.680.000đ = **48.891.000đ**. Tổng số tiền thu lợi bất chính của T là 48.891.000đ – 3.500.000đ tiền thưởng = **45.391.000đ**.

[7] Bị cáo Hoàng Thị V: Ngày 13/01/2022, V đã nhận từ Đỗ Thị D gửi 01 tin nhắn mua lô 9.200.000đ và 2.000.000đ tiền đề, tổng số 11.200.000đ, trúng thưởng 16.000.000đ; V đánh bạc với D 27.200.000đ. Thu lợi bất chính **11.200.000đ**.

[8] Bị cáo Nguyễn Ngọc T: Từ ngày 06/01/2022 đến 10/1/2022, T đã nhắn tin mua số đề, lô, lô xiên với Phạm Thái Q và được trả thưởng gồm (Ngày 06/01/2021 số tiền 19.600.000đ; ngày 07/01/2022, là 5.400.000đ; ngày 09/01/2022, số tiền 8.800.000đ; ngày 10/01/2022, số tiền 8.000.000đ). Từ ngày 04/01/2022 đến ngày 12/01/2022, T đã nhận tin nhắn của Phạm Văn D số lô, đề gồm (Ngày 04/01/2022 lô là 7.378.000đ, đề 3.750.000đ, trúng thưởng 13.600.000đ, tổng số tiền đánh bạc là 24.728.000đ; ngày 05/01/2022, lô 6.618.500đ, đề 5.200.000đ, trúng thưởng 10.500.000đ, tổng số tiền đánh bạc là 22.318.500đ; ngày 07/01/2022, lô 1.519.000đ, đề 6.750.000đ, trúng thưởng 1.680.000đ, tổng số tiền đánh bạc là 9.949.000đ; ngày 09/01/2022 là 5.900.000đ tiền đề, trúng thưởng 10.500.000đ, tổng số tiền đánh bạc là 16.400.000đ; ngày 10/01/2022, đề 2.200.000 đồng, trúng thưởng 24.500.000đ đồng, tổng số tiền đánh bạc là 26.700.000đ; ngày 12/01/2022, lô 23.002.000đ, đề 1.950.000đ, trúng thưởng 4.000.000đ, tổng số tiền đánh bạc là 28.952.000đ). Như vậy, T đánh bạc với 02 người Phạm Thái Q và Phạm Văn D trong nhiều ngày với số tiền cao nhất trong ngày là 28.952.000đ, thấp nhất trong ngày là 9.949.000đ. Tổng số tiền thu lợi bất chính của T: 7.000.000đ thưởng + nhận tiền đánh bạc của D (11.128.000đ + 11.818.000đ + 8.269.000đ + 5.900.000đ + 2.200.000đ + 24.952.000đ) = **64.267.000đ**.

[9] Bị cáo Đỗ Thị D: Ngày 13/01/2022, gửi 01 tin nhắn cho Đào Thị H lô, đề số tiền 16.400.000đ, trúng thưởng 32.000.000đ. D nhắn tin cho Hoàng Thị V lô 9.200.000đ và 2.000.000đ tiền đề, tổng là 11.200.000đ, trúng thưởng 16.000.000đ; tổng số tiền đánh bạc với Vàng là 27.200.000đ. Tổng số tiền D đánh bạc trong ngày là 11.200.000đ + 16.400.000đ + 32.000.000đ + 16.000.000đ = 75.600.000đ. Thu lợi bất chính 32.000.000đ + 16.000.000đ = **48.000.000đ**

[10] Bị cáo Phạm Văn T: Ngày 13/01/2022, đã gửi 01 tin nhắn đến T mua 400 điểm lô là 8.680.000 đồng, không trúng thưởng.

[11] Bị cáo Phạm Văn D: Từ ngày 04/01/2022 đến ngày 12/01/2022, D đã 06 lần gửi tin nhắn để mua số lô, đề, lô xiên với Nguyễn Ngọc T (Ngày 04/01/2022 lô là 7.378.000đ, đề 3.750.000, trúng thưởng 13.600.000 đồng, tổng số tiền đánh bạc là 24.728.000đ; ngày 05/01/2022, lô 6.618.500đ, đề 5.200.000đ, trúng thưởng 10.500.000đ, tổng số tiền đánh bạc là 22.318.500đ; ngày 07/01/2022, lô 1.519.000đ, đề 6.750.000đ, trúng thưởng 1.680.000đ, tổng số tiền đánh bạc là 9.949.000đ; ngày 09/01/2022 là 5.900.000đ tiền đề, trúng thưởng 10.500.000đ, tổng số tiền đánh bạc là 16.400.000đ; ngày 10/01/2022, đề 2.200.000đ, trúng thưởng 24.500.000đ, tổng số tiền đánh bạc là 26.700.000đ; ngày 12/01/2022, lô 23.002.000đ, đề 1.950.000đ, trúng thưởng

4.000.000 đồng, tổng số tiền đánh bạc là 28.952.000đ). Như vậy, D đánh bạc với T trong nhiều ngày với số tiền cao nhất trong ngày là 28.952.000đ, thấp nhất trong ngày là 9.949.000đ. Thu lợi bất chính là: 4.000.000đ + 24.500.000đ + 10.500.000đ + +1.680.000đ + 10.500.000đ + 13.600.000đ = **64.780.000đ**.

[12] Bị cáo Trần Đình L: Ngày 13/01/2022, gửi 01 tin nhắn để mua số lô, đề của H số tiền là 6.540.000đ, trúng thưởng 7.200.000đ; tổng số tiền L đánh bạc trong ngày là 13.740.000đ. Thu lợi bất chính **7.200.000đ**.

[13] Bị cáo Nguyễn Duy Q: Ngày 13/01/2022, gửi 01 tin nhắn đến H mua đề, lô, lô xiên là 1.090.000đ, trúng thưởng 3.500.000đ; tổng số tiền đánh bạc trong ngày 6.190.000đ. Thu lợi bất chính **3.500.000đ**.

[14] Bị cáo Mai Thị T: Ngày 13/01/2022, gửi 01 tin nhắn đến H mua 3.700.000 tiền đề, trúng thưởng 50.000 đồng tiền đề, được trả thưởng là 3.500.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc trong ngày của bị cáo Thủy 7.200.000 đồng. Thu lợi bất chính **3.500.000đ**.

[15] Các bị cáo đều là những người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc Tổ chức đánh bạc, Đánh bạc là vi phạm pháp luật; song với động cơ mục đích muốn kiếm tiền bất hợp pháp được nhanh chóng, đã bất chấp pháp luật, lợi dụng thiết bị điện tử, kết quả xổ số Miền Bắc để cùng nhau thực hiện hành vi đánh bạc trái phép, tránh sự phát hiện của Cơ quan chức năng. Bị cáo Đỗ Thị G đã bàn bạc thống nhất với Đào Thị H để mua số lô, đề, lô xiên của Duy Q, Lê, D, T chuyển cho G để hưởng lợi và đánh bạc với nhau; đồng thời các bị cáo T, D, T, Thái Q, D, V đã tự mua bán số lô, đề với nhau để hưởng lợi bất chính. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây dư luận xấu và ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Hành vi của các bị cáo Đỗ Thị , Đào Thị H đã phạm các tội “Đánh bạc” và tội “Tổ chức đánh bạc”, qui định tại khoản 1 Điều 321 và điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; bị cáo Đỗ Thị D phạm tội “Đánh bạc” qui định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Hoàng Thị V, Phạm Thái Q, Vũ Xuân T, Trần Đình L, Phạm Văn D, Mai Thị T, Nguyễn Duy Q, Phạm Văn T phạm tội “Đánh bạc”, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[16] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, câu kết, phân công trách nhiệm cụ thể cho nhau mà do các bị cáo tự phát cùng nhau thực hiện tội phạm. Bị cáo G thỏa thuận thống nhất với H để H làm thư ký đề, tổng hợp từ những người có nhu cầu đánh bạc dưới hình thức lô, đề (Đỗ Thị D, Trần Đình L, Mai Thị T, Nguyễn D Q) sau đó tổng hợp chuyển cho G Tổ chức đánh bạc số tiền **92.350.000đ**, H được hưởng hoa hồng với số tiền **2.549.400đ**. G trực tiếp đánh bạc với T số tiền 26.810.000 đồng; H trực tiếp đánh bạc với G số tiền là 8.850.000đ. Phạm Thái Q trực tiếp đánh bạc với T, T trong nhiều lần, cao nhất số tiền 19.600.000đ, thấp nhất số tiền 5.400.000đ; T trực tiếp đánh bạc với Phạm Thái Q và D trong nhiều lần, lần cao nhất số tiền 28.952.000đ, thấp nhất số tiền 9.949.000đ; T trực tiếp đánh bạc với G, Phạm Thái Q, T trong ngày số tiền 48.891.000đ; D trực tiếp

đánh bạc với T nhiều lần, cao nhất số tiền 28.952.000đ, thấp nhất số tiền 9.949.000đ; D trực tiếp đánh bạc với H và V trong ngày số tiền là 75.600.000đ; T trực tiếp đánh bạc với T trong ngày số tiền là 8.680.000 đồng; các bị cáo khác đã đánh bạc bằng hình thức số lô, đề cho bị cáo H nhận và H đã chuyển cho G (Nguyễn Duy Q 24.728.000 đồng, Trần Đình L 13.740.000 đồng, Mai Thị T 7.200.000 đồng). Các bị cáo tự thỏa thuận mua bán số lô, đề với từng bị cáo, nên từng bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của từng bị cáo đã gây ra và cùng phải chịu một chế tài do điều luật quy định; xong về nguyên tắc mỗi người đồng phạm phải chịu trách nhiệm độc lập về việc cùng thực hiện hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân liên quan đến bị cáo nào thì áp dụng đối với riêng bị cáo đó; đồng thời áp dụng Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự về đồng phạm và quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm đối với từng bị cáo.

[17] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Phạm Thái Q, Phạm Văn D, Nguyễn Ngọc T trong nhiều ngày thực hiện hành vi phạm tội đánh bạc số lô, đề với số tiền từ 5.000.000đ trở lên; cần áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự "*Phạm tội từ hai lần trở lên*" đối với các bị cáo.

[18] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Đỗ Thị G, Đào Thị H, Vũ Xuân T, Trần Đình L, Phạm Văn T, Nguyễn Duy Q, Mai Thị T, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng về tội Đánh bạc, quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Vũ Xuân T, Phạm Thái Q, Hoàng Thị V, Đỗ Thị H sau khi bị bắt quả tang, các bị cáo đã tích cực phối hợp với Cơ quan điều tra cung cấp và khai báo những bị cáo khác cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội với các bị cáo, quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo Trần Đình L, Phạm Thái Q gia đình có công với cách mạng; bị cáo L có ông nội Trần Đình L là liệt sĩ, được tặng Bằng Tổ quốc ghi công, bố đẻ là Trần Đình L được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, hiện nay đang được hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ; bị cáo Phạm Thái Q, có ông nội Phạm Xuân N được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, bản thân bị cáo và gia đình đã có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của phường M, thành phố H, hàng năm được tặng thưởng nhiều Giấy khen; bị cáo Đỗ Thị D có bố chồng ông Nguyễn Huy B được tặng Kỷ niệm chương "*Vì nạn nhân chất độc da cam*" và được Đảng bộ, UBND tỉnh tặng nhiều Bằng khen, bản thân bị cáo D bị u phổi; bị cáo Mai Thị T bị bệnh hiểm nghèo ung thư đã phẫu thuật, tỷ lệ tổn thương cơ thể 61 %; các bị cáo đã nộp một phần tiền thu lợi bất chính tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang số tiền 78.000.000đ, trong đó: (G nộp 5.000.000đ, Thái Q 10.000.000đ, T 5.000.000đ, V 3.000.000đ, T 20.000.000đ, D 25.000.000đ, D 10.000.000đ); là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[19] Nhân thân: Bị cáo Hoàng Thị V, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt 10.000.000 đồng theo Bản án số 68/2014/HSST, ngày 17/10/2014 về tội đánh bạc và 2.000.000 đồng về tội Tham ô tài sản, theo Bản án số 40/2018/HSST, ngày 19/7/2018. Bị cáo Nguyễn Ngọc T, bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 9 tháng tù cho hưởng án treo về tội đánh bạc tại Bản án số 10/2008/HSST ngày 13/3/2008; bị Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 01959/QĐ-XPHC ngày 12/5/2020. Bị cáo Vũ Xuân T, bị Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 01956/QĐ-XPHC ngày 12/5/2020.

[20] Về hình phạt chính: Hội đồng xét xử xem xét toàn diện đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, số lần, số tiền, vai trò của từng bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội và áp dụng Điều 50 về quyết định hình phạt đối với từng bị cáo, để đảm bảo tính răn đe riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này tại địa phương, cụ thể:

[21] Bị cáo Đỗ Thị G, Đào Thị H thực hiện hành vi phạm tội Đánh bạc và Tổ chức đánh bạc, trong cùng thời gian phạm hai tội, trong đó tội Tổ chức đánh bạc thuộc trường hợp phạm tội nghiêm trọng; cần áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự về tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội để cải tạo giáo dục các bị cáo, đồng thời áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự về tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội đối với từng bị cáo.

[22] Bị cáo Đỗ Thị D phạm tội Đánh bạc với tình tiết tăng nặng định khung hình phạt "*Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc trị giá 50.000.000 đồng trở lên*", phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; cần có mức hình phạt nghiêm khắc và cao nhất so với các bị cáo khác phạm tội Đánh bạc trong vụ án. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này thì bị cáo luôn chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước tại nơi cư trú; tại phiên tòa bị cáo tỏ rõ sự ăn năn, hối cải, xin hứa quyết tâm sửa chữa lỗi lầm mà mình đã thực hiện, bị cáo đã nộp số tiền thu lợi bất chính 25.000.000đ; xét thấy, chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt tù, cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo để bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật mà tự cải tạo tu dưỡng, rèn luyện bản thân tại cộng đồng và gia đình trong thời gian thử thách.

[23] Các bị cáo Phạm Thái Q, Phạm Văn D, Nguyễn Ngọc T trong nhiều ngày thực hiện hành vi phạm tội đánh bạc số lô, đề với số tiền trên 5.000.000đ trở lên; bị cáo Vũ Xuân T trong ngày 13/01/2022, đánh bạc với số tiền cao nhất; bị cáo Nguyễn Ngọc T, đã bị Tòa án xử phạt về tội Đánh bạc năm 2008, Hoàng Thị V bị Tòa án xử phạt về tội Đánh bạc năm 2014, tham ô tài sản năm 2018 đều thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng; bị cáo Vũ Xuân T và Nguyễn Ngọc T năm 2020 bị xử lý hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đã chấp hành xong ngày 14/5/2020; nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự

cao hơn đối với các bị cáo còn lại về phạm tội Đánh bạc. Xét thấy, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, lần phạm tội này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; đối chiếu quy định tại Nghị quyết số 02/2018/HĐTP-TATC và Nghị quyết số 01/2022/HĐTP-TATC thì các bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo, không cần bắt các bị cáo phải đi chấp hành hình phạt tù, để các bị cáo tự cải tạo tại địa phương và gia đình, không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, mà tu dưỡng rèn luyện bản thân trong thời gian thử thách.

[24] Đối với các bị cáo Mai Thị T, Nguyễn Duy Q, Phạm Văn T, Trần Đình L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, cần áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự về cải tạo không giam giữ, là đủ tính răn đe riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

[25] Về hình phạt bổ sung: Để tăng cường, củng cố tác dụng của hình phạt chính trong việc giáo dục, cải tạo các bị cáo cũng như góp phần đẩy lùi tệ nạn cờ bạc tại địa phương; Hội đồng xét xử áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, với mức phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Hoàng Thị V, Phạm Thái Q, Vũ Xuân T, Trần Đình L, Phạm Văn D, Nguyễn Duy Q, Phạm Văn T và quy định tại khoản 3 Điều 322 Bộ luật Hình sự với mức phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với các bị cáo Đỗ Thị G, Đào Thị H. Đối với các bị cáo Đỗ Thị D, Mai Thị T hiện nay đang phải điều trị bệnh, nên hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo D, T.

[26] Về vật chứng, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự để xử lý vật chứng bao gồm: Tiền Việt Nam 27.000.000 đồng thu giữ của Phạm Thái Q, số tiền này không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo. 14 chiếc điện thoại thu giữ của các bị cáo, trong đó: Có 01 chiếc điện thoại là của chồng bị cáo G, 02 chiếc điện thoại của con bị cáo T, cần tuyên trả lại cho bị cáo G, bị cáo T; còn lại 11 chiếc điện thoại liên quan đến hành vi phạm tội, cần tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Các quyển vở thu giữ của bị cáo V, bị cáo T không còn giá trị sử dụng, tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến xin lại, cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

[27] Số tiền các bị cáo thu lợi bất chính từ hành vi đánh bạc số đề, số lô, lô xiên và tiền thưởng có được, tổng số **367.428.000đ**, cần tuyên truy thu đối với các bị cáo; tuy nhiên các bị cáo đã tự nguyện nộp khắc phục một phần tại Cục Thi hành án dân sự số tiền 78.000.000đ, cần được khấu trừ cho các bị cáo, còn lại số tiền truy thu là 289.428.000đ.

[28] Đối với tài khoản tại các Ngân hàng, Cơ quan điều tra đã ra lệnh phong tỏa của các bị cáo gồm: ⁽¹⁾ Đỗ Thị G: TK 34510000312993, số tiền trong TK 3.972.751đ. ⁽²⁾ Đào Thị H: TK 8200205109471, số tiền 73.329.550đ. ⁽³⁾ Phạm Thái Q: TK 3451000336688, số tiền 144.470.931đ; TK 8200205268686, số tiền

111.499.687đ; TK 100883236688, số tiền 6.468.140đ.⁽⁴⁾ Vũ Xuân T: TK 103867370473, số tiền 36.930đ; TK 100868008888, số tiền 890.095đ; TK 820023688888, số tiền 25.104.570đ.⁽⁵⁾ Nguyễn Ngọc T: TK 108860616666, số tiền: 25.147.578đ. Cần tiếp tục thực hiện lệnh phong tỏa các tài khoản của các bị cáo để đảm bảo thi hành án dân sự. Tuy nhiên, bị cáo Phạm Thái Q có 03 tài khoản đều có số dư; nên cần gỡ bỏ 02 tài khoản của bị cáo Phạm Thái Q: TK 3451000336688, số tiền 144.470.931đ; TK 100883236688, số tiền 6.468.140đ.

[29] Trong vụ án này còn có một số đối tượng liên quan: ⁽¹⁾Bùi Thanh D có hành vi mua số lô, đề với Phạm Thái Q tổng số tiền là 2.477.500 đồng; ⁽²⁾Nguyễn Thị B mua các số lô, đề với Hoàng Thị V và Đào Thị H tổng số tiền là 1.840.000 đồng; ⁽³⁾Hoàng Thị T mua số lô, đề của Đào Thị H số tiền là 60.000 đồng; ⁽⁴⁾Ngày 11/01/2022 Nguyễn Thị Nt, sinh ngày 01/01/1972, trú tại tổ 8, phường Q, TP H sử dụng sim số điện thoại 0345 177 xxx nhắn 01 tin đến số điện thoại 0344 325 xxx của Đào Thị H mua 380.000đ tiền đề, đối chiếu kết quả xổ số trong ngày, số đề mà N mua không trúng thưởng; ⁽⁵⁾hồi 15 giờ 11 phút ngày 13/01/2022, Đỗ Tiến Q, sinh ngày 31/8/1975, trú tại tổ 3, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang sử dụng điện thoại Sam Sung lắp sim số 0986 593 xxx để nhận tin mua số đề từ số điện thoại 0975 581 xxx của một người đàn ông tên H để mua 200.000 đồng, đối chiếu kết quả xổ số trong ngày, số đề mà số điện thoại 0975 581 xxx mua không trúng thưởng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang đã tiến hành điều tra, xác minh nhân thân cho thấy 05 trường hợp trên chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc hoặc hành vi Tổ chức đánh bạc quy định tại Điều 322 của Bộ luật Hình sự, chưa bị kết án về tội Đánh bạc hoặc tội Tổ chức đánh bạc quy định tại Điều 322 của Bộ luật Hình sự, số tiền các đối tượng trên đánh bạc chưa đủ mức khởi điểm của cấu thành tội Đánh bạc. Xác định hành vi đánh bạc của các đối tượng trên vi phạm khoản 1 Điều 28, Nghị định 144/2021/NĐCP của Chính phủ. Ngày 15/7/2022, Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Hà Giang đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Bùi Thanh D, Nguyễn Thị B, Hoàng Thị T, Nguyễn Thị N, Đào Thị H, Đỗ Tiến Q với mức phạt 350.000 đồng là thỏa đáng và đúng quy định của pháp luật.

[30] Đối với bị cáo Phạm Thái Q, quá trình điều tra thể hiện ngày 04/01/2022, đánh bạc với bị cáo T 2.000.000 đồng tiền đề; ngày 05/01/2022, đánh bạc với T 3.440.000 đồng tiền đề; ngày 08/01/2022, đánh bạc với T 2.000.000 đồng tiền đề. Ngày 15/7/2022, Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Hà Giang đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Phạm Thái Q mức phạt 350.000 đồng là đúng pháp luật.

[31] Đối với bị cáo Phạm Văn D, quá trình điều tra thể hiện ngày 06/01/2022, đánh bạc với bị cáo T 3.000.000 đồng tiền đề; ngày 11/01/2022, đánh bạc với T 2.500.000 đồng tiền đề. Ngày 15/7/2022, Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Hà Giang đã quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Phạm Văn D mức phạt 350.000 đồng là thỏa đáng.

[32] Các tài liệu điều tra thể hiện, còn một số đối tượng, một số thuê bao điện thoại đã gửi và nhận tin nhắn mua, bán số lô, đề với các bị cáo trong vụ án nhưng không có tài liệu chứng minh hành vi phạm tội, cụ thể:

(1) Kết quả phục hồi máy tính bảng thu giữ của bị cáo Nguyễn Ngọc T cho thấy: Từ ngày 04/01/2022 đến ngày 12/01/2022 từ số điện thoại 0972 639 280 không lưu tên danh bạ điện thoại đã nhắn tin đến số điện thoại 0327 934 xxx của Nguyễn Ngọc T để mua số lô, đề với T. Trong đó có 02 ngày số tiền mua, bán dưới 5.000.000 đồng và 06 ngày có số tiền mua, bán số lô, số đề trên 5.000.000 đồng, trong đó lần mua, bán số lô, số đề với số tiền cao nhất là 24.600.000 đồng. Quá trình điều tra T khai người sử dụng số điện thoại 0972 639 280 là Nguyễn Văn H, sinh năm 1977, trú tại thôn L, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Giang, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang tiến hành xác minh chủ thuê bao (BL 556) cho kết quả không xác định được chủ thuê bao, không có thông tin về thuê bao; tiến hành ghi lời khai đối với Nguyễn Văn H (BL 1358-1361) H không thừa nhận được dùng số điện thoại 0972 639 280 để nhắn tin mua số lô, số đề với T; tiến hành đối chất giữa T và H, H không thừa nhận (BL 1382-1383). Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để xử lý, không có tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh hành vi phạm tội của H.

(2) Kết quả phục hồi máy tính bảng thu giữ của bị cáo T cho thấy từ ngày 04/01/2022 đến ngày 12/01/2022 từ số điện thoại 0972 445 123 không lưu tên danh bạ điện thoại đã nhắn tin đến số điện thoại 0327 934 xxx của T để mua số lô, số đề T khai người sử dụng số điện thoại 0972 445 123 là của người đàn ông tên H, ở gần khu công nghiệp B, huyện V; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang tiến hành xác minh chủ thuê bao (BL 554), cho kết quả chủ thuê bao là Hà Thị M, sinh năm 1992, địa chỉ phường M, TP H, tỉnh Hà Giang; tiến hành xác minh tại Công an phường M cho kết quả không có công dân tên Hà Thị M (BL 1391a); đấu tranh đối với Dương Văn H, sinh ngày 20/12/1976, trú tại thôn B, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Giang (BL 1378) H khai không quen biết ai có tên Nguyễn Ngọc T, không sử dụng số điện thoại 0972 445 123 và không có hành vi mua, bán số lô, số đề. Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để xử lý, không có tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh hành vi phạm tội của H.

Tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận: Khi bị Cơ quan điều tra bắt giữ, T rất hoảng loạn và không nhớ về những tin nhắn T khai, không nhớ có được tổng hợp số lô, đề từ 02 số điện thoại 0972 639 280 và 0972 445 123 gửi vào điện thoại của T hay không và T khẳng định không được đánh bạc với 02 số điện thoại trên. Đối chiếu với tài khoản của T mở tại Ngân hàng không thể hiện từ ngày 04/01/2022 đến ngày 12/01/2022, T đã chuyển tiền hoặc nhận tiền đánh bạc từ người tên H, hoặc H. Do đó, Hội đồng xét xử không đủ căn cứ để xác định T đánh bạc được thua bằng tiền với 02 số điện thoại nêu trên để cộng tổng số tiền từng ngày của T vào đánh bạc. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã kết luận đối với T phạm tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

(3) Đối với số thuê bao 0386 499 xxx nhắn tin cho Đào Thị H vào 17 giờ 46 phút ngày 13/01/2022 mua 5.600.000 đồng tiền đề, quá trình điều tra H khai số điện thoại 0386 499 xxx của một người tên là H, khoảng 48 tuổi, làm thợ may, nhà ở phường M, thành phố H (khu vực gần trường cấp III L (BL 914), tiến hành xác minh chủ thuê bao (BL 587) cho kết quả chủ thuê bao là La Thị H, địa chỉ phường M, thành phố H) không làm nghề thợ may; tiến hành ghi lời khai đối với La Thị H (BL1364-1365) H khai trước tháng 12/2021 H đã dùng số điện thoại trên, sau đó bị mất điện thoại và không dùng lại số trên, không quen biết Đào Thị H, không có hành vi mua bán số lô, số đề với H, tiến hành cho Đào Thị H nhận dạng và đối chất với La Thị H, kết quả La Thị H khẳng định không quen biết Đào Thị H và không sử dụng số điện thoại để mua, bán số lô, số đề với Đào Thị H. Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để xử lý.

(4) Hồi 18 giờ 05 phút ngày 13/01/2022 từ tài khoản Zalo có tên “Hậu H” gửi 03 tin nhắn cho H để mua số lô và số đề là 8.740.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc trong ngày của tài khoản Zalo có tên “Hậu H” là 10.240.000 đồng (BL 972, 974-975). Quá trình điều tra H khai, tài khoản có tên “Hậu H” là của một người đàn ông tên là H, khoảng 60 tuổi, nhà gần chợ lớn, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành xác minh và ghi lời khai đối với Lã Việt H, sinh ngày 10/10/1964, trú tại tổ 9, phường T, thành phố H, ông H khai sử dụng 01 số điện thoại 0979 789 xxx là số điện thoại duy nhất và không đăng ký sử dụng tài khoản Zalo, không được thực hiện hành vi mua số lô, số đề với Đào Thị H (BL 1366, 1367), tiến hành cho H và ông H đối chất, ông H không thừa nhận được mua số lô, số đề với Đào Thị H. Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để xử lý.

Quá trình điều tra V khai cuối năm 2021 V thỏa thuận với bị cáo G về việc bán số lô, số đề cho người chơi rồi chuyển cho G để hưởng lợi phần trăm hoa hồng với giá số lô là 22.000 đồng/01 điểm, số đề là 75%, sau khi bán số lô, số đề cho B và D, V đã chuyển toàn bộ nội dung của 02 tin nhắn mua số lô, số đề trên cho G và khi bị bắt quả tang V và G đã tự tiêu hủy điện thoại và sim điện thoại trên, nên cả hai không nhớ đã mua, bán với nhau bao nhiêu số lô, số đề và số tiền cụ thể. Quá trình điều tra, thu thập nguồn chứng cứ, không có tài liệu chứng minh việc V đã chuyển cho G số lô, số đề trên, do vậy không có căn cứ để xử lý.

[33] Từ những nhận định nêu trên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo Đỗ Thị G, Đào Thị H về tội Đánh bạc và tội Tổ chức đánh bạc, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 và điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; bị cáo Đỗ Thị D về tội đánh bạc theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Hoàng Thị V, Phạm Thái Q, Vũ Xuân T, Trần Đình L, Phạm Văn D, Mai Thị T, Nguyễn Duy Q, Phạm Văn T về tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; kết luận bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Luận tội và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, áp dụng điều luật, hình phạt, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm đối

với từng bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận. Tuy nhiên, mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo Vũ Xuân T từ 07 đến 08 tháng tù, cho hưởng án treo là còn thấp, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[34] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[35] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 332 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đỗ Thị G, Đào Thị H phạm các tội "Đánh bạc" và "Tổ chức đánh bạc"; các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Đỗ Thị D, Hoàng Thị V, Phạm Thái Q, Vũ Xuân T, Trần Đình L, Phạm Văn D, Mai Thị T, Nguyễn Duy Q, Phạm Văn T phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt:

2.1 Hình phạt chính:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đỗ Thị G 06 (Sáu) tháng tù. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đỗ Thị G 13 (Mười ba) tháng tù. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự; tổng hợp hình phạt chung của hai tội, bị cáo Đỗ Thị G phải chịu **19 (Mười chín)** tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/01/2022 đến ngày 10/3/2022.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s, t, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đào Thị H 06 (Sáu) tháng tù. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đào Thị H 12 (Mười hai) tháng tù. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội, bị cáo Đào Thị H phải chịu **18 (Mười tám)** tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 13/01/2022 đến ngày 22/01/2022.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đỗ Thị D **03 (Ba)** năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách **60 (Sáu mươi)** tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Thị V; xử

phạt bị cáo Hoàng Thị V **09 (Chín)** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **18 (Mười tám)** tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Hoàng Thị V, Đỗ Thị D cho UBND phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang có trách nhiệm giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách; gia đình các bị cáo Hoàng Thị V, Đỗ Thị D có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T **24 (Hai mươi bốn)** tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách **48 (Bốn mươi tám)** tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Văn D **18 (Mười tám)** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **36 (Ba mươi sáu)** tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Phạm Văn D cho UBND phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang có trách nhiệm giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách; gia đình các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Phạm Văn D có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Thái Q **15 (Mười lăm)** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **30 (Ba mươi)** tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Phạm Thái Q cho UBND xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang có trách nhiệm giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách; gia đình bị cáo Phạm Thái Q có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s, t, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Xuân T; xử phạt bị cáo Vũ Xuân T **12 (Mười hai)** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **24 (Hai mươi bốn)** tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Vũ Xuân T cho UBND phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang có trách nhiệm giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách; gia đình bị cáo Vũ Xuân T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 36 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Trần Đình L **12 (Mười hai)** tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Mai Thị T **12 (Mười hai)** tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy Q **12 (Mười hai)** tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Văn T **12 (Mười hai)** tháng cải tạo không giam giữ; được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/01/2022 đến ngày 22/01/2022, cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ là 09 ngày x 03 ngày = 27 ngày; bị cáo Phạm Văn T còn phải chấp hành hình phạt là **11 (Mười một) tháng 03 (Ba)** ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ của các bị cáo Trần Đình L, Mai Thị T, Nguyễn Duy Q và Phạm Văn T được tính từ ngày Ủy ban nhân dân các xã, phường nơi các bị cáo cư trú nhận được bản án và quyết định thi hành bản án. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Trường hợp người chấp hành án đi khỏi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian chấp hành án, các bị cáo Trần Đình L, Nguyễn Duy Q và Phạm Văn T, Mai Thị T phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ; các bị cáo Trần Đình L, Nguyễn Duy Q, Phạm Văn T mỗi bị cáo bị khấu trừ thu nhập mỗi tháng là **100.000đ/tháng**. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Mai Thị Thủy.

Trường hợp các bị cáo Trần Đình L, Mai Thị T, Nguyễn Duy Q và Phạm Văn T không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong 01 ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

* Về hình phạt bổ sung:

- Áp dụng khoản 3 Điều 322 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đỗ Thị G và Đào Thị H:

+ Xử phạt bị cáo Đỗ Thị G số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng);

+ Xử phạt bị cáo Đào Thị H số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

- Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Phạm Thái Q, Phạm Văn D, Vũ Xuân T, Hoàng Thị V mỗi bị cáo số tiền **15.000.000đ** (Mười lăm triệu đồng);

+ Xử phạt các bị cáo Trần Đình L, Nguyễn Duy Q, Phạm Văn T mỗi bị cáo số tiền **10.000.000đ** (Mười triệu đồng).

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đỗ Thị D và bị cáo Mai Thị T.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự:

3.1. Tuyên trả lại cho các bị cáo:

+ Trả lại cho bị cáo Phạm Thái Q số tiền 27.000.000 (Hai mươi bảy triệu đồng) đã chuyển vào tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang;

+ Trả lại cho bị cáo Đỗ Thị G: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A71, có mật khẩu là 0000, bên trong lắp 02 sim có số thuê bao 0986593174 và 0362333147, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong của điện thoại; thu giữ của Đỗ Tiến Q.

+ Trả lại cho bị cáo Vũ Xuân T: 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu; Iphone XS Max, màu vàng đồng, bên trong điện thoại lắp Sim 0862518888, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong của điện thoại; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, bên trong điện thoại lắp sim số 0989371888, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong của điện thoại (điện thoại của Vũ Xuân T).

3.2. Tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 11 chiếc điện thoại thu giữ của các bị cáo, trong đó:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, bên trong điện thoại lắp sim 0862110999, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong của điện thoại (điện thoại của Vũ Xuân T).

- 01 chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone X, màu đen, màn hình bị nứt xước nhiều chỗ, bên trong có lắp sim số 0981083655, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong của điện thoại (điện thoại của Phạm Thái Q).

- 01 chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung Galaxy A30S, màu xanh bên trong điện thoại có lắp sim số 0354050812, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong của điện thoại (điện thoại của Phạm Thái Q).

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng, có ốp phía sau màu đen, bên trong điện thoại lắp sim số 0344325063, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong của điện thoại (điện thoại của Đào Thị H).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu trắng, bên trong điện thoại lắp sim số 0359466490, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật

được nguồn không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong của điện thoại (điện thoại của Đào Thị H).

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Viettel, màu đen, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong của điện thoại (điện thoại của Hoàng Thị V).

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh, bên trong lắp sim số 0363994468, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong của điện thoại (điện thoại của Hoàng Thị V).

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu vàng đồng, có ốp màu đen, mặt kính bị vỡ, bên trong lắp sim số 0976277813, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong của điện thoại (điện thoại của Đỗ Thị D).

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu đỏ bên trong lắp sim số 0347021105 , điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong của điện thoại (điện thoại của Phạm Văn D).

- 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy tab, màn hình cảm ứng, màu trắng, đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong (của Nguyễn Ngọc T).

- 01 chiếc điện thoại NOKIA, loại bàn phím màu vàng, trắng, bên trong lắp sim số 0986164999, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong của điện thoại (điện thoại của Phạm Văn T).

*3.3. Truy thu số tiền các bị cáo thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội đánh bạc số đề, số lô, lô xiên có được, tổng số tiền là **367.428.000đ** (Ba trăm sáu mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi tám nghìn đồng), trong đó:*

- Truy thu của bị cáo Đỗ Thị G số tiền 58.210.000đ (Năm mươi tám triệu, hai trăm mười nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền bị cáo đã nộp là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo Biên lai số 0000366 ngày 08/9/2022, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang; bị cáo Đỗ Thị G còn phải nộp số tiền là **53.210.000đ** (Năm mươi ba triệu, hai trăm mười nghìn đồng),

- Truy thu của bị cáo Đào Thị H số tiền **5.779.000đ** (Năm triệu, bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng),

- Truy thu của bị cáo Phạm Thái Q số tiền 54.001.000đ (Năm mươi tư triệu, không trăm linh một nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền bị cáo đã nộp là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) theo Biên lai số 0000365 ngày 06/9/2022, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang; bị cáo Phạm Thái Q còn phải nộp số tiền là **44.001.000đ** (Bốn mươi bốn triệu, không trăm linh một nghìn đồng);

- Truy thu của bị cáo Vũ Xuân T số tiền 45.391.000đ (Bốn mươi lăm triệu,

ba trăm chín mươi một nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền bị cáo đã nộp là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo Biên lai số 0000364 ngày 06/9/2022, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang; bị cáo Vũ Xuân T còn phải nộp số tiền là **40.391.000đ** (*Bốn mươi triệu, ba trăm chín mươi một nghìn đồng*);

- Truy thu của bị cáo Hoàng Thị V số tiền 11.200.000đ (*Mười một triệu, hai trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền bị cáo đã nộp là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) theo Biên lai số 0000154 ngày 08/9/2022, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang; bị cáo Hoàng Thị V còn phải nộp số tiền là **8.200.000đ** (*Tám triệu, hai trăm nghìn đồng*);

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Ngọc T số tiền 64.267.000đ (*Sáu mươi bốn triệu, hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền bị cáo đã nộp là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) theo Biên lai số 0000356 ngày 31/8/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang; bị cáo Nguyễn Ngọc T còn phải nộp số tiền là **44.267.000đ** (*Bốn mươi bốn triệu, hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*);

- Truy thu của bị cáo Đỗ Thị D số tiền 48.000.000đ (*Bốn mươi tám triệu, đồng*), được khấu trừ vào số tiền bị cáo đã nộp là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) theo Biên lai số 0000358 ngày 31/8/2022, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang; bị cáo Đỗ Thị D còn phải nộp số tiền là **23.000.000đ** (*Hai mươi ba triệu đồng*);

- Truy thu của bị cáo Phạm Văn D số tiền 64.780.000đ (*Sáu mươi bốn triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền bị cáo đã nộp là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) theo Biên lai số 0000359 ngày 05/9/2022, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang; bị cáo Phạm Văn D còn phải nộp số tiền là **54.780.000đ** (*Năm mươi bốn triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng*);

- Truy thu của bị cáo Trần Đình L số tiền **7.200.000đ** (*Bảy triệu, hai trăm nghìn đồng*);

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Duy Q số tiền **3.500.000đ** (*Ba triệu, năm trăm nghìn đồng*);

- Truy thu của bị cáo Mai Thị T số tiền **3.500.000đ** (*Ba triệu, năm trăm nghìn đồng*).

3.5. Tịch thu tiêu hủy các đồ vật thu giữ của các bị cáo:

- 01 tờ giấy bảng kê nộp số dự thưởng loto 2 số, 3 số, 4 số. Họ tên đại lý Hoàng Thị V, mã số 0177, mặt trước và sau ghi nhiều chữ và số (của Hoàng Thị V).

- 04 quyển sổ bìa ngoài màu trắng, chữ màu đỏ và xanh, ghi “sổ kết quả” bên trong ghi nhiều chữ và số (của Hoàng Thị V).

- 01 quyển bìa màu vàng bên ngoài có ghi chữ “Thu AUTUMN” bên trong có ghi nhiều chữ và số (của Hoàng Thị V).

- 01 quyển sổ có bìa màu vàng nhạt và hình trái tim bên trong có ghi nhiều chữ và số (của Hoàng Thị V).

- 01 quyển sổ ngoài bìa có ghi chữ “sổ tổng hợp” và hình cô gái cầm ô, bên trong ghi nhiều chữ và số (của Hoàng Thị V).

- 01 mảnh giấy ghi năm 2017, có ghi chữ và số hai mặt (thu giữ của bị cáo Hoàng Thị V).

- 01 quyển sổ không có bìa ghi nhiều chữ và số (của Hoàng Thị V).

- 01 quyển vở Campus màu trắng có các dòng kẻ màu hồng, màu vàng. Bên trong có 04 tờ giấy có ghi nhiều chữ và số của Nguyễn Ngọc T.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản bàn giao vật chứng ngày 29/8/2022 giữa Công an tỉnh Hà Giang với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang).

3.6. Tiếp tục thực hiện phong tỏa tài khoản của các bị cáo để đảm bảo thi hành án dân sự:

- Tài khoản của bị cáo Đỗ Thị G, TK 34510000312993, số dư trong TK **3.972.751đ**;

- Tài khoản của bị cáo Đào Thị H, TK 8200205109471, số dư trong tài khoản **73.329.550đ**;

- Tài khoản của bị cáo Phạm Thái Q: TK 8200205268686, số dư trong tài khoản tiền **111.499.687đ**;

- Tài khoản của bị cáo Vũ Xuân T: TK 103867370473, số dư trong tài khoản 36.930đ; TK 100868008888, số dư trong tài khoản 890.095đ; TK 820023688888, số dư trong tài khoản **25.104.570đ**;

- Tài khoản của bị cáo Nguyễn Ngọc T: TK 108860616666, số dư trong tài khoản **25.147.578đ**.

3.6. Gỡ phong tỏa tài khoản của bị cáo Phạm Thái Q:

- Tài khoản 34510003136688, số dư trong tài khoản **144.470.931đ**, tại Ngân hàng BIDV, chi nhánh Hà Giang;

- Tài khoản 100883236688 tại Ngân hàng VietinBank, chi nhánh Hà Giang, số dư trong tài khoản **6.468.140đ**.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Đỗ Thị G, Đào Thị H, Nguyễn Ngọc T, Đỗ Thị D, Hoàng Thị V, Phạm Thái Q, Vũ Xuân T, Trần Đình L, Phạm Văn D, Mai Thị T, Nguyễn Duy Q, Phạm Văn T; mỗi bị cáo phải chịu **200.000 đồng** (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Phòng PC 01, PC 02, PV 06 Công an tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- UBND xã P, TP H, tỉnh Hà Giang;
- UBND phường M, phường Q, phường N TP H, tỉnh Hà Giang;
- Phòng KTNV&THA - TAND tỉnh;
- Tổ HCTP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Loan